

Tử Vi Đẩu Số - Sinh Tử Quyết dụng pháp

Hiện nay giới Mệnh lý có quá nhiều người tự cho mình là đại sư, vì sở học bản thân không đúng phương pháp, thường không thể nào đột phá bình cảnh, luôn thích cầm cái gọi là "Chung bàn" để đánh trống lảng, vì sở học chỉ là theo Đẩu số toàn thư và Cổ văn phú tinh diệu tam phương tứ chính, mười hai thần sát để xem tượng mà thôi, đối với độc giả ngoài nghề thì đều cảm thấy rất có đạo lý, mà chân chính hiểu được các cung vị Thể Dụng biến hóa vòng quanh, nhân dịch Tứ hóa, tam dịch hợp nhất, độn môn thất tinh, cửu niên độn pháp, kỳ môn độn số, thập can bộ thiên, thật giả tượng, một đường lưu tinh, đồng loại và dị loại chuyển hóa các loại, có nhập thế và xuất thế quyết. Tuy lá số giống nhau nhưng cách cục phân cao thấp, tinh thần, vật chất, khí số diễn hóa, có pháp lý huyền diệu. Tứ phải hiểu được về tam dịch Thái Cực 【 lý, số, tượng 】 ; thông tam dịch với một bàn 【 Liên sơn, Quy tàng, Chu Dịch 】 ; diễn tam dịch 【 thiên mệnh sự tình, làm hết sức mình, đoán cát hung 】 . Cái này đã nói trong sách "Đẩu số hộ pháp", trong sách cũng thực không khách khí bác bỏ các đại sư thích cầm "Chung bàn" mà bóc phét.

Dịch, biến vậy. Tử Vi Đẩu Số luận Mệnh tự có lý lẽ rõ ràng minh bạch, một lá số ẩn chứa lấy vạn vật chi tượng, trong Tứ hóa phi tinh lý khí tuân theo thời không giao thế dịch hóa mà vật hóa xuất thiên biến vạn hóa tượng ý, chỉ cần biết rằng như thế nào là hợp thời không biến hóa, là có thể đoán nghiệm chuẩn xác. Đoán hôn nhân thành bại cũng thế, đoán tiền tài được mất cũng thế, đoán sinh tử cũng vậy mà thôi.

Lấy đoán Sinh Tử Quyết khiếu mà nói: Một người thân thể tai nạn, thường hiển hiện tại cung Huynh đệ hoặc cung nô bộc, vì cung Huynh đệ chính là số vị thân thể chi khí của chính người đó, mà cung nô bộc là số vị Phụ Mẫu 【 nhất khí sinh vị 】 chi khí. Vì sinh mệnh chi khí chủ vãng Phụ Mẫu, cho nên cung nô bộc là khí số vị tiên thiên. Cũng tức là sinh mệnh gắn với Tiên Thiên chi khí, là sinh mệnh gắn với cung nô bộc. Do đó trong hành vận cung nô bộc không thể Hóa Kỵ xung phá lộc tinh năm sinh, hoặc Hóa Lộc xung phá kị tinh năm sinh, khi lưu niên đi vào cung vị xung phá, lưu niên đó tất có quan hệ sinh tử rất hung. Theo lý này, nếu lộc tinh năm sinh tọa cung Phụ Mẫu, hoặc tọa cung Tật ách, khi đại hạn đi vào cung Phụ Mẫu hoặc cung Tật ách nếu gặp cung nô bộc đại hạn Hóa Kỵ xung phá lộc tinh năm sinh thì đại hạn này tất có nguy hiểm tính mạng, còn nguyên nhân vì sao, lại chuyển lộc truy kị, đồng thời quan sát thuộc tính tinh diệu và biến hóa là có thể hiểu rõ. Nếu cung nô bộc bản mệnh hóa xuất lộc tinh nhập tam hợp mà Hóa Kỵ không vào tam hợp; hoặc Hóa Kỵ nhập tam hợp mà Hóa Lộc không vào tam hợp, khi đại hạn đi vào cung vị Hóa Lộc, đại hạn này sinh mệnh tất có hiện tượng nguy hiểm phát sinh. Nếu cần đoán tự sát, thì cung Phúc đức đại hạn Hóa Kỵ xung cung Phúc đức bản mệnh, dễ có hành vi bi quan chán đời, vì phúc đức là cung vị tự sát. Nếu cần quyết tử vong, thì dùng cung Mệnh đại hạn lấy nhân dịch Tứ hóa lộc chuyển kị quan sát, nếu lộc chuyển kị nhập cung Phụ Mẫu bản Mệnh xung cung Tật ách, hoặc lộc chuyển kị nhập cung Quan lộc bản Mệnh xung cung Phu thê thì đa phần có hiểm nguy liên quan đến sinh mệnh, vì là cung phát xạ thuộc "Phúc hệ", mà kị xung

là "Thọ hệ", chính là phúc hệ kị xung thọ hệ. Tam phương của lá số là "Phúc, Lộc, Thọ"; Tứ chính vị của lá số là "Thê, Tài, Tử, Lộc", nguyên tắc là: Đồng tổ Hóa Kỵ có thể nhập không thể xung, bất đồng tổ Hóa Kỵ không thể nhập cũng không thể xung.

Muốn luận đoán sinh tử tai số nhất định phải chú ý: Một, Hóa Kỵ từ ba cung vị Mệnh, Tật ách, Phúc đức nhập tuyến Phụ Tật, tuyến Quan Phu, tuyến Điền Tử, đây là tượng tai ách. Hai, cung Phụ Mẫu, cung Tật ách, cung Quan lộc, cung Phu thê, cung Tử tức, cung Điền trạch là sáu cung vị 『tai số』, khi bất kỳ cung vị nào nếu Hóa Kỵ nhập sáu cung vị này trên lá số sẽ nhất định dẫn dắt 『tai số』 nghiêm trọng; nữ nếu Hóa Kỵ nhập sáu cung này của đại hạn thì chỉ là "Tai ách" mà thôi. Cần chú ý chính là tai số đối với sinh mạng dễ cấu thành nguy hiểm uy hiếp.

Loại lý niệm này của Bắc phái Tứ hóa phi tinh luận Mệnh, đối với những đồng đạo học Nam phái lấy tam hợp một thể, lấy Nhật Nguyệt tinh tú úi chiếu hiếp xung đoán cát hung, lấy thái tuế thần sát luận đoán lưu niên mà nói, tất nhiên không thể nào đăng đường nhập thất, tất có tiết nuôi ngắm hoa trong sương, nhưng nếu hữu duyên tiếp xúc, thì hoài nghi đối với cái gọi là chung bàn, sẽ có thể thu hoạch được một chút!

Cách nhìn lá số Tử Vi giống nhau có vận mệnh khác nhau

Có một người thường dạy trên truyền thông dùng năm tháng ngày Thiên can Tứ hóa tinh tới mua cổ phiếu phát tài, một vị cư sĩ rất nổi danh tại giới đầu số, từng lấy so sánh hai lá số giống nhau của hung thủ Trần Tiến Hưng sát hại Bạch Hiểu Yên và của một phó tổng quản lý một công ty lớn, nói cái gì vận mệnh hoàn toàn khác biệt, viết loạn xạ trên báo mà không có nguyên cớ, chỉ nhiều lần cường điệu mọi người hậu thiên gia giáo, thói quen sinh hoạt, giao hữu, tu dưỡng mà tạo thành kết quả, trên thực tế đây là đạo lý mà mọi người đều hiểu, chẳng có tỷ giá trị nào cả.

Theo báo chí tư liệu: Trần Tiến Hưng sinh giờ Tuất ngày bảy tháng mười một năm Đinh Dậu

Vị phó tổng sinh giờ Tuất ngày mười ba tháng mười một năm Đinh Dậu

Năm tháng xuất sinh giống nhau, chỉ khác biệt "ngày xuất sinh", một người sinh ngày mùng bảy, một người sinh ngày mười một, nhưng kết cấu của lá số, tinh diệu bố cục thật là giống nhau như đúc. Kỳ thật vì sinh nhật khác nhau mà tạo thành cách cục cao thấp, vận mệnh sẽ chênh lệch cách xa vạn dặm, người nghiên cứu mệnh lý không thể không biết. Nguyên nhân chủ yếu nhất chính là nằm ở bất luận là tháng sinh khác biệt, hoặc ngày sinh khác biệt, hoặc giờ sinh khác biệt, mặc dù lá số giống nhau, nhưng "Thất tinh định điểm" nhất định khác biệt, Thất tinh định điểm

khác biệt, mệnh cách liền có cao thấp, vận mệnh do đó hoàn toàn khác biệt, vì thế tạo thành một cái là Trần Tiên Hưng, một cái lại là phó tổng quản lý của một công ty lớn. "Thất tinh định điểm" chính là chủ sinh hoạt hàng ngày của mỗi cá nhân, ảnh hưởng đến cảm thụ phẩm chất cuộc sống, chúa tể các nhân tố ưu khuyết trong cuộc sống. Dù cung vị và tổ hợp tinh diệu trong các cung vị hoàn toàn giống nhau, nhưng cái trước Thất tinh định điểm là "Cung Phu thê", người sau Thất tinh định điểm là "cung Quan lộc". Cung Phu thê và cung Quan lộc là hai cung vị tương đối, cũng là tuyển danh lợi. Quan lộc chủ thực lợi, Phu thê chủ hư danh, thực chất nỗ lực và hư ảo truy cầu, kết quả tất nhiên khác biệt. Huống chi can cung Phu thê khác can cung Quan lộc, địa chi cũng khác biệt, do đó bố cục Tứ hóa phi tinh cũng tuyệt đối khác biệt. Kiểu như một chiếc thuyền, treo cờ Mỹ 【 can 】 tất nhiên có thể đi lại không có trở ngại gì, nhưng nếu đổi treo cờ Tàu 【 can 】 cam đoan khắp nơi bị ngăn trở! Treo cờ Mỹ giờ Ngọ 【 chi 】 xuất phát và treo cờ Tàu đêm khuya giờ Tý 【 chi 】 xuất phát, trên đường tao ngộ hải tượng 【 Tứ hóa tượng 】 vừa đến thời gian 【 bố cục 】 tất nhiên khác biệt. Nếu tiến thêm một bước, thì lại lấy hai người Thất tinh định điểm tự lên "Ngũ hổ Độn" bỏ can Tứ hóa, càng có thể phân biệt đặc chất dục vọng của hai người.

Lá số của hai người Trần Tiên Hưng và phó tổng công ty cung Mệnh đều là "Tử Phủ" tọa Mệnh, là nói đặc chất nhân cách có thành phần Tử Vi mặt trái, còn nói cái gọi là mặt trái là chỉ lo mình không để ý người khác thống khổ; chỉ cho phép mình nói lời cao kiến mà thượng đê nghe... Cái này phù hợp lý luận Tử Vi Đẩu Số, cũng ăn

khớp với Tử Vi Đẩu Số đoán Mệnh. Kỳ thật vị cư sĩ nói như thế chỉ là căn cứ Đẩu số toàn thư cổ văn phú mà luận, miễn cưỡng sử dụng mà thôi, không có gì mới cả.

Còn nữa, nếu dùng Tử bình bát tự luận Mệnh pháp, sinh nhật khác biệt, nguyên thần tất nhiên khác biệt, nguyên thần khác biệt, lúc đó can cũng tuyệt đối khác biệt, đương nhiên sẽ có mệnh vận khác biệt. Trần Tiến Hưng sinh ngày mùng bảy, Nhật trụ Quý Mão, nguyên thần là Quý Thủy; phó tổng sinh ngày mười một, Nhật trụ là Kỷ Mão, nguyên thần là Kỷ thổ. Nguyên thần khác biệt, tuy Nguyệt giống nhau, hỷ Dụng thần tất nhiên cách xa, hỷ Dụng thần khác biệt, nhất định ảnh hưởng mệnh cách cao thấp, mệnh cách cao thấp khác biệt, quyết định hành vận cát hung. Trần Tiến Hưng nguyên thần "Quý Thủy" thân mạnh; phó tổng nguyên thần "Kỷ thổ" thân yếu, hai cái cho thấy không gian khác biệt, lấy thời điểm 【 hành vận 】 tương đồng phối với bất đồng không gian, kỳ cảnh khác biệt đâu chỉ có trăm dặm? Giống như xe tải lớn và xe con, tại thời gian giống nhau, có khả năng vận chuyển phụ tải hàng hóa nhiều ít và thể tích lớn nhỏ, há có thể đánh đồng như nhau?

Nếu có người lại muốn hỏi, song bào thai phải giải thích thế nào? Đương nhiên có thể giải thích! Lý do chính là nằm ở việc sinh tự nhiên hoặc sinh mổ, thời gian cắt cuống rốn, hoàn toàn rời khỏi bụng mẹ tất có trước sau, đã có trước sau, sóng từ trường của tiểu vũ trụ và toàn bộ đại vũ trụ hồ cảm tất nhiên có chỗ khác biệt, cũng do đó người luận Mệnh đối với cung vị Thổ Dụng và chuyển đổi, nhất định phải làm ra góc độ diễn hóa khác biệt. Ở trên chính là

tâm đắc của ta để đồng đạo nghiên cứu Tử Vi Đẩu Số hứng thú tham khảo.

Tử Vi Đẩu Số quan sát tượng nam nữ Đào Hoa như thế nào

Phải quan sát hiện tượng Đào Hoa từ mấy góc độ:

Một, Hóa Lộc tinh và Hóa Khoa tinh năm sinh lạc nhập cung bản Mệnh, cung Huynh đệ, cung Tử tức, cung Tật ách, cung Quan lộc, cung Phúc đức, cuối cùng nhất khí mang theo Đào Hoa cách, nhưng đây cũng không phải là háo sắc, chỉ là biểu thị có duyên với người khác phái, tượng rất được người khác phái thương thức.

Hai, xem Đào Hoa giác độ, trên nguyên tắc lấy cung Tử tức sở hóa lộc tinh và kị tinh để suy luận hiện tượng phát sinh.

1, Can cung Tử tức Hóa Kỵ nhập cung Mệnh bản Mệnh, chủ cả đời Đào Hoa không ngừng, tượng này đa phần là cách Đào Hoa bị động cả đời.

2, Cung Tử tức Hóa Kỵ nhập Huynh đệ, tuyến Nô bộc, đối tượng Đào Hoa là người tương đối trẻ chưa lập gia đình, đây là tượng sống phóng túng Đào Hoa. Nếu nữ Mệnh cung Tử tức Hóa Lộc bay vào tuyến Huynh nô, biểu thị cực kỳ có duyên với người khác phái, khá có khuynh hướng làm các nghề liên quan đến phong tình.

3, Cung Tử tức Hóa Kỵ bay vào tuyến Phu Quan, biểu thị ở bên ngoài chơi vui, đối tượng Đào Hoa đã phần liên quan đến sự nghiệp.

4, Cung Tử tức Hóa Kỵ bay vào tuyến Tài Phúc, đã phát sinh Đào Hoa thì đa phần phải bỏ tiền mua bán tìm bạn.

5, Cung Tử tức Hóa Kỵ bay vào tuyến Phụ Tật, đối tượng phát sinh Đào Hoa phần lớn là quả phụ, ly hôn, hoặc vẫn có hôn nhân, mà lớn tuổi hơn.

6, Cung Tật ách (cung Phu thê của cung Tử tức) Hóa Lộc nhập cung Nô bộc (cung Phu thê của cung Tật ách), lại chuyển hóa kỵ bay vào cung Phu thê (phối ngẫu của mình), biểu hiện vợ chồng bất hòa, phối ngẫu có tượng Đào Hoa.

7, Cung Tử tức là bốn, cung Quan lộc là cung Tử tức của cung Tật ách là sáu, cho nên nếu cung Tử tức Hóa Kỵ bay vào cung Quan lộc (cung Phu thê của cung Thiên di), biểu hiện ở bên ngoài có tượng Đào Hoa. Đồng lý, nếu cung Phu thê bốn (cung Tật ách là cung Phu thê của cung Tử tức [Hóa Kỵ bay vào Phu thê sáu (cung Nô bộc là cung Phu thê của cung Tật ách), biểu thị đem thân thể ý lại vào người khác phái, cũng là hiện tượng Đào Hoa. Vì bốn và sáu đều là số âm, số âm thuộc Đào Hoa hoặc thuộc vấn đề sức khỏe. Từ một góc độ khác xem, là xem Đào Hoa cần dùng tiền hay không?

8, Cung Mệnh gốc Hóa Lộc bay vào cung Huỳnh đệ, đều là tượng Đào Hoa, vì lộc nhập tuyến Huỳnh Nô biểu thị rất có duyên dùng người, mà lộc nhập cung Huỳnh đệ chính là lộc chiếu cung Nô bộc (cung Phu thê của cung Tật ách), là tượng mình đang dẫn dụ đại chúng hoặc người khác phái. Còn nếu Đào Hoa phải bỏ tiền, thì

nhất định phải lấy lộc chuyên lộc (lộc là duyên, là tốt, tốt ở đâu?), nếu lộc chuyên lộc bay vào cung Phu thê (đối phương muốn làm phối ngẫu của mình, nhập cung Tử tức (đối phương muốn theo mình), nhập cung Tật ách (đối phương thích cơ thể mình), đều là không cần dùng tiền ôm ấp yêu thương Đào Hoa. Nếu chuyên lộc phi nhập cung Tài bạch, biểu thị đối phương thấy mình có tiền hoặc mình cần dùng tiền mua Đào Hoa. Còn nếu xem cấp độ cao thấp đối tượng Đào Hoa, vẫn cần tham chiếu tinh tính để phán đoán, tỉ như Liêm Trinh, thì chủ nơi chốn Đào Hoa khá thấp cấp!

Lý lẽ chỉ lấy Tứ hóa xem Đào Hoa để mọi người có thể tìm tòi nghiên cứu bản thân hoặc phối ngẫu, hoặc bạn gái, hoặc bạn trai ở bên ngoài có Đào Hoa hay không, nhưng tuyệt đối không nên (hóa) mà loạn hóa, loạn hóa sau liền loạn (nói), nếu vì thế mà cãi nhau, chính người đó coi như không đảm đương nổi! Đạo Tử từ bi! Vô lượng xem!

Khâm Thiên Môn Tử Vi Đẩu Số phi tinh Tứ hóa nghiên cứu lá số ví dụ

LÁ SỐ

Một, Mệnh cách phân tích:

Để xem tượng nói: Cung bản Mệnh cư Ngọ vị, là Thiên Vị, bản tính lạc quan, giống như ngựa hoang lao nhanh, chí ở bốn phương. Mệnh tọa Cự Xương, Cự Môn chủ khẩu tài, cãi vã, Văn Xương chủ văn chương, hành văn; tam phương cung Tài bạch tọa Hữu Bát tự Hóa Khoa, Hữu Bát là tiêu diêu trợ giúp, Khoa chủ giáo hóa; cung Quan lộc tọa Thái Dương Hóa Lộc tinh, Thái Dương chủ

Quan lộc, cư cung Quan lộc là chính vị, Thái Dương tinh là tinh diệu bác ái, phục vụ, Hóa Lộc là tượng dương quang phổ chiếu. Lộc năm sinh, Khoa năm sinh cư tuyền Quan Phu, tuyền Quan Phu là tuyền công danh, Lộc Khoa đồng tọa là người kiêu "Su". (Nếu làm các việc về ngoại khoa y sư, luật sư, quan toà, giáo sư là thích hợp nhất). Ba cung Phu, Quan, Tài là dương cung, Lộc Khoa nhập thuộc quý cách, cung Điền trạch bản mệnh là âm cung, là ngã cung, tọa Quyền tinh năm sinh, là tượng bản thân nỗ lực sáng tạo, cho nên xem về tổng thể thì người này chính là cách quý nhân đắc Tài.

Nói về cá tính: Cung bản Mệnh can Nhâm, Nhâm chính là nhân chi nhân, dựa vào trời dựa vào mình, chính là cách độc lập. Cũng chủ bản tính tự phụ, độc đoán độc hành, suy nghĩ đa phần chiếm tiện nghi người khác mà bản thân không muốn ăn thiệt thòi. Nhâm Thiên Lương Hóa Lộc bay vào cung Phúc đức bản Mệnh, gặp cung Phúc đức có tọa Kị tinh năm sinh, là Lộc hậu thiên xung phá Kỵ tiên thiên, cấu thành tượng "Lộc nhập hang không đáy". Chủ bản thân vì lý tưởng đạt được cái tốt cho chính mình, muốn được tốt, lại vô cùng vô tận một mực truy cầu, vĩnh viễn không biết thỏa mãn. Cung bản Mệnh Nhâm Vũ Khúc Hóa Kỵ bay vào cung Điền trạch bản Mệnh hội Quyền tinh năm sinh, Vũ Khúc là Tài tinh, cung Điền trạch là cung đồng mệnh, cũng chủ gia đình, gia sản, Hóa Kỵ bản mệnh nhập, chính là một lòng chỉ vì chính mình, vì gia đình, vì tăng gia sản mà mãi không yên lòng. Giống như thiếu nợ gia đình, vì "Kỵ" nhập lại hội "Quyền" tinh, cho nên chủ có tiền không xuất, tượng lòng tham không đáy. Lộc là nguyên nhân, Kỵ chủ hậu quả, Lộc theo Kỵ đi, tổng hợp tượng ý: cá tính và hành vi chỉ là nghĩ vì chính mình và gia

đình gia tăng sản nghiệp, là tượng tự tư. Lại vì Mệnh Kỵ nhập cung Điền trạch hội Quyền tinh năm sinh, là Quyền Kỵ dây dưa, xung cung Tử tức, cung Tử tức là cung vị giao tế, cho nên chủ không giỏi giao tế với người, hoặc giao tế không khéo léo; cũng chủ người đó và con cái không có kết nối tốt.

Nói về tâm tính, tính tình: Cung Tật ách bản Mệnh can Kỵ, Kỵ ngũ hành là âm thổ, cư Sửu vị, là nhập kho. Chủ tâm thái bảo thủ cố chấp, giống như già trâu có năng lực chịu được cực khổ, mệt nhọc. Cung Tật ách can Kỵ Vũ Khúc Hóa Lộc bay vào cung Điền trạch bản Mệnh gặp Quyền tinh năm sinh, Văn Khúc Hóa Kỵ bay vào cung Phúc đức bản Mệnh hội Kỵ tinh năm sinh. Cung Điền trạch chính là cung Tật ách của cung Tài bạch, cũng chủ Tài khó của ta (cung Tài bạch của cung Tật ách), cung Phúc đức chính là cung Tật ách chi cung Tật ách, hai là một sáu đồng tông, một Hóa Kỵ nhập sáu, chủ tự tư, chính là chủ suy nghĩ vì chính mình, cho nên tượng ý là một lòng tăng gia sản, đã làm đã có rất nhiều, còn muốn càng nhiều, tâm lý suy nghĩ, trong đầu suy nghĩ đều chỉ có mình và gia tài mà thôi. Ở đây nhất định phải hiểu rõ một hiện tượng: Lộc bản Mệnh nhập Phúc đức, Kỵ nhập Điền trạch; Tật bản Mệnh lại là Lộc nhập Điền trạch, Kỵ nhập Phúc đức. Hai cung vị khác biệt, một Hóa Lộc một Hóa Kỵ đồng thời phi nhập cùng một cung vị giao chiến, cung vị chủ giao chiến tất nhiên sẽ có rắc rối phát sinh, hưởng chi cung bản Mệnh và cung Tật ách là một sáu đồng tông, cung Tật ách và cung Phúc đức lại là một sáu chung tông, đều thuộc ngã cung, chính là chủ việc mình làm, làm một đằng, nghĩ lại một nẻo, cuối cùng rồi sẽ dẫn đến bản thân tạo nghiệp tổn phúc, đồng thời cũng tổn thương gia đình.

Nói về tư tưởng, nhân cách: Cung Phúc đức bản Mệnh can Giáp, ngũ hành thuộc mộc, cư Thân vị, là Nhân vị. Chủ trí óc nhanh nhạy, phản ứng nhanh như hầu tử leo cây, ý đồ xấu nhiều, là cách có tư tưởng độc lập, có đặc tính không dễ bị người chi phối. Can cung Giáp Liêm Trinh Hóa Lộc nhập cung Huynh đệ bản Mệnh, cung Huynh đệ là cung Phúc đức của cung Tử tức, cung Tử tức là cung vị giao tế, cung vị đầu tư, cho nên chủ thích kết giao bạn bè. Giáp Thái Dương Hóa Kỵ bay vào cung Quan lộc bản Mệnh, gặp cung Quan lộc có tọa Lộc tinh năm sinh, vì Phúc đức và Quan lộc đều là ngã cung, chính là "Kị bắt Lộc", mà Lộc nhập cung Huynh đệ bản Mệnh chính là cung Quan lộc của cung Tật ách, tức là sự nghiệp Thê. Theo lý Lộc nhân Kỵ quả, Lộc tùy Kỵ tẩu, giải thích tượng ý là một thân sở dĩ thích vui vẻ cùng anh em bạn bè kết giao không ngoài việc bảo vệ chuyện tốt của mình.

Xem về tác phong: Khoa năm sinh tọa cung Phu thê, nguyên ý chủ có danh vọng, cũng chủ phối ngẫu là quý nhân của chính người đó, nhưng vì cung Phu thê lại tự hóa Khoa, Khoa tự hóa Khoa, chính là đồng loại tự hóa đồng loại, chủ đồng loại triệt tiêu. Ý chủ đạt được thanh danh lại sẽ mất đi, mà Phu thê nguyên bản có thể giúp trợ mình lại là tự thân khó đảm bảo. Lại vì cung Phu thê can Canh Thái Dương hóa Lộc bay vào cung Quan lộc, vốn là chuyện tốt, phối ngẫu chính là muốn ở bên ngoài kết thiện duyên, nhưng vì Quan lộc là cung đối với cung Phu thê, tọa Lộc gặp đối cung hóa Lộc nhập, cấu thành điệp xuất Lộc, là Lộc xuất hung tượng. Tức tốt còn muốn càng tốt hơn, lòng tham không đủ, biến khéo thành vụng, phối ngẫu thành trở ngại chứ không giúp gì hung tượng.

Những luận giải ở trên chỉ là cách cục tượng ý, cách tượng không cát hung, đây chẳng qua là không gian (ND: Thiên) rủ xuống tượng mà thôi. Nhưng có tượng tất có vật, vật hiện, chính là ứng cát hung, ứng ở đại hạn, lưu niên, lưu nguyệt hành vận, hành vận là tượng thời gian (ND: Địa), thời không phối hợp bắt đầu có thể sinh ra cát hung ứng số.

Hai, phân tích đại hạn thứ sáu hành vận:

Cung Mệnh đại hạn thứ sáu là cung Nô bộc bản Mệnh, cung Nô bộc chính là "tượng Chúng sinh", bao quát bạn bè, đồng học, đồng sự, đồng chí, khách hàng, anh em, tình trạng hoạt động ở bên ngoài, sức khỏe của phối ngẫu, con cái tiền tài, tiền tài đầu tư, nội tâm của chính mình, mình và chúng sinh ở bên ngoài hỗ động, sự nghiệp cấp trên, phúc vận gia đình, không phải chỉ bạn bè. Cũng tức chủ thành bại được mất trong vòng mười năm đại hạn này, người này và chúng sinh tượng cùng một nhịp thở. Vì lá số gốc là Thiên, lá số đại hạn là Địa, lá số lưu niên là Nhân, đại hạn chính là dưới bản Mệnh, thấp hơn một cấp, cho nên khi đại hạn thứ sáu ở cung Nô bộc bản Mệnh, xem sắc mặt chúng sinh, cũng gọi là: Thành cũng chúng sinh, bại cũng chúng sinh!

Theo lý bản mệnh quản đại hạn ứng số với lưu niên, cung bản Mệnh can Nhâm, Thiên Lương hóa Lộc nhập cung Phúc đức bản Mệnh, là cung Phúc đức lưu niên 53 tuổi, là cung Tử tức đại hạn. Tức Lộc nhập (Phúc gốc + lưu Phúc thiên nhân hợp nhất), dùng thiên Tử phân biệt; Nhâm Vũ Khúc hóa Kỵ nhập cung Điền trạch bản mệnh, là cung

Điền Trạch của lưu niên 53 tuổi, cũng là cung Phu thê đại hạn. Tức Kỵ nhập (Điền gốc + lưu Điền thiên nhân hợp nhất), dùng thiên Thê phân biệt. Vì cung phát xạ bản cung Mệnh và cung Mệnh lưu niên 53 tuổi trùng điệp, lại là cung Tật ách đại hạn, lấy tượng nói, chính là năm này tất cả đều lấy chính mình làm hạch tâm. Lộc nhập Phúc gốc + lưu Phúc, phùng Ky năm sinh, chính là một lòng không dừng tận truy cầu lý tưởng của mình, vì gắn với cung Tử tức đại hạn, người này chính là truy cầu giao tiếp với chúng sinh, đầu tư. Kị nhập Điền gốc + lưu Điền chính là một lòng nghĩ về chính mình và gia sản, vì gắn với cung Phu thê đại hạn, người này muốn cùng phối ngẫu và chúng sinh phát triển sự nghiệp. Theo lý Lộc nhân Kỵ quả, Lộc tùy Kỵ tẩu, có thể đoán biết lưu niên 53 tuổi cả năm bận rộn không dừng, phối hợp phối ngẫu giao tế, hợp tác, đầu tư, mục đích chính là tăng mua gia sản (Mệnh Kỵ nhập Điền Trạch, chủ thu khó cất giữ).

Đổi một phương thức khác, trực tiếp lấy đại hạn hướng thủ tượng ứng số lưu niên xem: can cung mệnh đại hạn Đinh Thái Âm hóa Lộc nhập cung Phu thê bản Mệnh, là cung Phu thê lưu niên 53 tuổi, cũng là cung Nô bộc đại hạn; Đinh Cự Môn Hóa Kỵ nhập cung Mệnh bản Mệnh, là cung Mệnh lưu niên 53 tuổi, cũng là cung Tật ách đại hạn. Lộc tùy Kỵ tẩu, chỉ ra sự nghiệp kinh doanh năm này hoàn toàn là vợ chồng một thể, mà cùng chúng sinh giao tế, đầu tư được lợi có quan hệ. Nhưng vì Cự Môn hóa Kỵ và Văn Xương đồng quán, người này năm đó vì sự nghiệp và phối ngẫu liên lụy, sẽ phát sinh cãi vã thị phi hoặc quan phi.

Lưu niên 54 tuổi và cung Phụ mẫu bản mệnh trùng điệp, cũng thành cung Tài bạch đại hạn. Xem tượng nói

cho thấy năm này trọng điểm chính là vấn đề tiền tài giữa bản thân và cơ cấu nhà nước cùng chúng sinh. Thiên Mệnh hóa Thái Âm Lộc tinh thành là Thê gốc, lưu Tử, cũng là cung Nô bộc đại hạn; cung Mệnh thiên tiên biến thành Cự Môn Kỵ tinh thành bản Mệnh, lưu Huynh, cũng là cung Tật ách đại hạn. Chính là biết năm này vì việc liên quan đến phối ngẫu và chúng sinh giao tế đầu tư và cơ quan nhà nước, xúc phạm chúng sinh (Kỵ xung cung Thiên di bản Mệnh, là cung Nô bộc lưu niên), gây ra cãi vã thị phi.

Khi lưu niên 55 tuổi và cung Phúc đức bản Mệnh trùng điệp, thành cung Tử tức đại hạn. Xem tượng nói, tức cho thấy năm này trọng điểm chính là lý tưởng của mình, phúc khí, thọ nguyên cùng chúng sinh bên ngoài giao tế hoạt động. Vì cư "Sách Mã Kỵ" vị, lại là cung Tử tức đại hạn, xung cung Điền trạch đại hạn (Kỵ nhập tuyến Tử Điền là Kỵ nhập tuyến Tai ách), người này năm đó cùng chúng sinh hoạt động tất có tai ách kiếp số phát sinh, chính là bị "Sách mã nhị suất hạ mã" mà nguy hiểm cho thọ nguyên. Thiên Mệnh (ND: cung Mệnh thiên tiên) hóa Thái Âm Lộc tinh thành Thê gốc, lưu Tài, cũng là cung Nô bộc đại hạn; Thiên Mệnh hóa Cự Môn Kỵ tinh thành bản Mệnh, lưu Thê, cũng là cung Tật ách đại hạn. Chính là năm này cùng chúng sinh một thể hỗ động, dùng tiền cho sự nghiệp. Vì Kỵ xung cung Quan lộc lưu niên, người này năm đó xuất ngoại vận khí không tốt. Muốn biết vì sao? Không tốt ở nơi nào? Thì lại lấy Cự Môn hóa Kỵ tinh truy Lộc (Thiên Lương hóa Lộc xung phá Thiên Đồng Kỵ năm sinh cấu thành song Kỵ [nhập cung Mệnh lưu niên; lấy Cự Môn hóa Kỵ tinh truy Kỵ (Vũ Khúc hóa Kỵ và Thất Sát, Kinh Dương đồng quán là kim loại duệ khí gây thương tích trong

môn cung Tật ách lưu niên. Thân thể người này sẽ thụ thương, phẫu thuật.

Lưu niên 56 tuổi và cung Điền trạch bản Mệnh trùng điệp, thành cung Phu thê đại hạn. Xem tượng nói, tức cho thấy năm này trọng điểm chính là nằm ở gia sản hoặc gia đình phối ngẫu và chúng sinh phát triển sự nghiệp. Vì can Đại Mệnh (ND: cung Mệnh đại hạn) Đinh hóa Thái Âm Lộc tinh thành Thê gốc, lưu Tật, cũng là cung Nô bộc đại hạn; can Đại Mệnh Đinh hóa Cự Môn Ky tinh, thành bản Mệnh, lưu Tử, cũng là cung Tật ách đại hạn. Chính là vì gia đình, gia sản và phối ngẫu sinh ra vấn đề lợi ích, làm bản thân và chúng sinh ngoài xã hội sinh ra thị phi cãi vã. Bởi vì xung cung Điền trạch lưu niên (tài sản gia đình), cung Thiên di bản Mệnh (cảm nhận hành vi ngoại giới), cũng là cung Phụ mẫu đại hạn (tiền tài chúng sinh), người này và chúng sinh tiền tài mà sinh ra thị phi (lấy xung cung đoán cát hung). Nếu lại lấy Ky xung cung Mậu Tham Lang hóa Lộc nhập cung Huynh đệ bản Mệnh (bảo khố Tài gốc, Tài lưu niên), cũng là cung Thiên di đại hạn (bên ngoài); Mậu Thiên Cơ tại cung Thiên di bản Mệnh tự hóa Ky (Thê gốc, lưu Điền), cũng là cung Phụ mẫu đại hạn, là cung Tài bạch của cung Nô bộc lưu niên. Càng có thể liếc qua thấy ngay do chúng sinh tiền tài mà gây ra thị phi.

Lưu niên 57 tuổi và cung Quan lộc bản Mệnh trùng điệp, thành cung Huynh đệ đại hạn. Xem tượng nói, cho thấy năm này trọng điểm chính là bản thân sự nghiệp và chúng sinh hỗn động sinh ra vấn đề. Vì can Đại Mệnh Đinh hóa Thái Âm Lộc tinh thành Thê gốc, lưu Thiên di, cũng là cung Nô bộc đại hạn; can Đại Mệnh Đinh hóa Cự Môn Ky tinh thành bản Mệnh, lưu Tài, cũng là cung Tài bạch

đại hạn. Lộc nhân Kỵ quả, chính là biết năm này phối ngẫu ở bên ngoài vì sự nghiệp của người này kết giao chúng sinh (quan hệ nhân sự), mà dẫn đến vấn đề tiền bạc bị chắt vắn (Cự Môn nhị ám, ám đòn, cãi vã). Vì Kỵ xung cung Quan lộc gốc, lưu Phúc, tổ phụ, biểu hiện năm này sự nghiệp và tiền tài có vấn đề phiền não, sự nghiệp có nguy cơ, sợ có nguy hiểm đóng cửa xuống đài.

Lưu niên 58 tuổi và cung Nô bộc bản Mệnh trùng điệp, thành cung Mệnh đại hạn. Xem tượng nói, tọa cung Phúc đức bản Mệnh Thiên Đồng Kỵ năm sinh, thành cung Tử tức đại hạn và lưu niên, xung cung Điền trạch đại hạn và lưu niên, chính là cấu thành Kỵ nhập tuyến tai ách xung phá khó hung tượng. Chỉ lấy Kỵ năm sinh tiên thiên chuyển Lộc Kị hậu thiên xem, Giáp Liêm Trinh hóa Lộc nhập cung Thiên di đại hạn lưu niên (định thời gian); Giáp Thái Dương hóa Kỵ nhập thiên Huynh lưu Huynh, lại xung phá cung Quan lộc bản Mệnh có Lộc tinh năm sinh, thành song Kỵ xung thiên Nô lưu Nô (định tượng). Chính là xúc phạm chúng sinh, tan đàn xẻ nghé, đại thế đã mất. Nếu lấy đại hạn Đinh Cự Môn hóa Kỵ nhập cung bản Mệnh, lại là cung Tật ách đại hạn, chính là tượng vô lại, mạnh miệng cãi chày cãi cối. Dụng Kỵ truy Thiên Lương Lộc nhập Phúc gốc hội Thiên Đồng Kỵ năm sinh, thành song Kỵ xung thiên Điền lưu Điền. Liên tục chuyển Kỵ (Thái Dương hóa Kỵ) nhập cung Quan lộc bản mệnh xung phá Lộc tinh năm sinh xem, lưu niên 58 tuổi này đã làm lại mạnh miệng vô lại, hẳn là cũng không làm nên chuyện gì. Đây có lẽ vì thiên ý a.

Tử Vi Đẩu Số luận Mệnh và Chiêm tinh gia tiên đoán, ai đúng hơn?

"Bạch Dương" trong chiêm tinh là những người sinh từ ngày hai mươi tháng ba đến ngày mười chín tháng tư.

Ví dụ cùng thuộc chòm Bạch Dương "Nam Mệnh" ba tổ sau lá số như sau: (nam nữ Mệnh hành vận thuận nghịch, trên có phân âm dương)

Giáp Mệnh: sinh ngày 20 tháng 3 năm 33 2h sáng.

Ất Mệnh: sinh ngày 20 tháng 3 năm 35 2h sáng.

Bính Mệnh: sinh ngày 20 tháng 3 năm 50 2h sáng.

Đinh Mệnh: sinh ngày 19 tháng 4 năm 50 2h sáng.

Mậu Mệnh: sinh ngày 20 tháng 3 năm 40 12h trưa.

Kỷ Mệnh: sinh ngày 20 tháng 3 năm 40 18h giờ chiều.

Luận thuật: Một, Giáp Ất hai bên, năm sinh khác biệt, ngày tháng sinh thì giống nhau.

1, Giáp Mệnh: sinh năm Giáp Thân, hỏa lục cục, sáu tuổi lên đại vận.

Thất tinh định điểm tại cung Huynh đệ, định tượng lạc cung Tài bạch.

Át tạo: Năm Bính Tuất sinh, mộc ba cục, ba tuổi lên đại vận.

<p>K. Tị ĐIÊN TRẠCH 36</p> <p style="text-align: center;">THIÊN ĐỒNG (D)</p> <p>Văn Khúc (M) Kiếp Sát Tả Phụ Tiểu Hao (H) Thiên Quý Thiên Trú Thiên Đức LN.Văn Tinh Phúc Đức</p> <p style="text-align: right;">năm Mão Lâm Quan tháng 4</p>	<p>C. Ngọ QUAN LỘC 46</p> <p style="text-align: center;">VŨ KHÚC (V) THIÊN PHŨ (M)</p> <p>Hóa Khoa (D) Điều Khách Tam Thai Tướng Quân L.Thiên Khốc L.Thiên Hư</p> <p style="text-align: right;">năm Thìn Đế Vượng tháng 5</p>	<p>T. Mùi NỎ BỘC 56</p> <p style="text-align: center;">THÁI DƯƠNG (D) THÁI ÂM (D)</p> <p>Thiên Việt Hóa Kỵ (B) Hồng Loan Quả Tú Đường Phủ Thiên Thương Thái Phụ Trúc Phủ Thiên Quan L.Đà La Tấu Thư</p> <p style="text-align: right;">năm Tị Suy tháng 6</p>	<p>N. Thân THIÊN ĐI 66</p> <p style="text-align: center;">THAM LANG (D)</p> <p>Bát Tọa Đẩu Quân Địa Giải Thái Tuế L.Lộc Tôn Phi Liêm L.Bạch Hổ</p> <p style="text-align: right;">năm Ngọ Bệnh tháng 7</p>
Tuần		Triệt	
<p>M. Thìn PHÚC ĐỨC THÂN 26</p> <p style="text-align: center;">PHÁ QUÂN (D)</p> <p>Hóa Quyền (D) Thiên La Hoa Cái Bạch Hổ (H) Thanh Long</p> <p style="text-align: right;">năm Dần Quan Đãi tháng 3</p>	<p>Họ tên: Giáp Mệnh</p> <p>Năm: 1944 Giáp Thân</p> <p>Tháng: 3 Đinh Mão</p> <p>Ngày: 20 Quý Mùi</p> <p>Giờ: 02:00 Quý Sửu</p> <p>Năm xem: 2020 Canh Tý 77 tuổi</p> <p>Âm Dương: Dương Nam</p> <p>Âm Dương thuận lý</p> <p>Mệnh: Tuyền Trung Thủy</p> <p>Cục: Hoà Lục Cục Mệnh khác Cục Thần cư Phúc</p> <p>Mệnh chủ: Lộc Tồn</p> <p>Thần chủ: Thiên Lương</p> <p style="text-align: center;">Để luận giải, mời bạn liên hệ LÝ SỐ HỘI QUÁN. ĐC: 104 Mai Anh Tuấn (ven hồ Hoàng Cầu), Hà Nội. ĐT: 1900.633316 - Email: bantuvan@lyso.vn.</p>		<p>Q. Dậu TẬT ÁCH 76</p> <p style="text-align: center;">THIÊN CƠ (M) CỰ MÔN (M)</p> <p>Văn Xương (M) Linh Tinh (H) Hữu Bật Thiên Sĩ Ân Quang Thiên Khổng Thiên Giải Lưu Hà Đào Hoa Phá Toái Thiên Phúc L.Kinh Dương Hi Thần</p> <p style="text-align: right;">năm Mùi Tử tháng 8</p>
<p>Đ. Mão PHỤ MẪU 16</p> <p>Phong Cáo Kinh đường (H) Long Đức Hỏa Tinh (D) Lục Sĩ</p> <p style="text-align: right;">năm Sửu Mộc Dục tháng 2</p>	<p>B. Tý THÉ THIẾP 106</p> <p style="text-align: center;">THẤT SÁT (M)</p> <p>Long Trì Địa Kiếp (H) Thiên Thọ Quan Phủ Phục Bình L.Thái Tuế</p> <p style="text-align: right;">năm Tuất Thái tháng 11</p>		<p>G. Tuất TÀI BẠCH 86</p> <p style="text-align: center;">TỬ VI (V) THIÊN TƯỚNG (V)</p> <p>Quốc Ấn Địa Không (H) Thiên Tài Thiên Khốc (H) Thiên Hình (H) Địa Võng Tang Môn (H) Bệnh Phù</p> <p style="text-align: right;">năm Thân Mộ tháng 9</p>
<p>B. Dần MỆNH 6</p> <p style="text-align: center;">LIÊM TRINH (V)</p> <p>Hóa Lộc (D) Thiên Hư (H) Thiên Mã (D) Thiên Điều (D) Lộc Tôn (M) Tuế Phá Phương Các L.Tang Môn Giải Thần Thiên Y Bác Sĩ L.Thiên Mã</p> <p style="text-align: right;">năm Tý Trường Sinh tháng 1</p>	<p>Đ. Sửu HUYNH ĐỆ 116</p> <p>Thiên Khôi Đà La (D) Thiên Hi Tử Phủ Nguyệt Đức Quan Phủ</p> <p style="text-align: right;">năm Hợi Đưỡng tháng 12</p>	<p>A. Hợi TỬ TỨC 96</p> <p style="text-align: center;">THIÊN LƯƠNG (H)</p> <p>Thiếu Âm Có Thần Đại Hao (H)</p> <p style="text-align: right;">năm Dậu Tuyệt tháng 10</p>	

Thất tinh định điềm tại cung Phúc đức, định tượng lạc cung Thiên di.

2, Giáp Ất hai bên Mệnh cung đều cư Dần vị, nhưng Giáp Mệnh có can cung Mệnh là "Bính", Ất Mệnh có can cung Mệnh là "Canh". Can Bính làm Thiên Đồng tinh hóa "Lộc", can canh lại làm Thiên Đồng tinh hóa "Ky". Thiên Đồng tinh là phúc tinh, vừa được phúc, vừa mất phúc; một là hỏa cục, một là mộc cục; một sáu tuổi lên đại vận, một ba tuổi lên đại vận. Hai người may mắn được mất, không thể nói rõ.

3, Giáp Mệnh: Cung bản Mệnh tọa Liêm, Lộc Tồn, Diêu và Lộc tinh năm sinh, nhưng lại gặp cung bản Mệnh tự Hóa Ky, là tượng Lộc xuất. Xem tượng pháp nói: Chính là cá tính sáng nắng chiều mưa tối lại mây mù. Bản Mệnh tọa Lộc tinh năm sinh, can cung Bính Thiên Đồng hóa Lộc nhập cung Điền Trạch, ý chủ năng lực kiếm tiền ổn định, Tài lộc đều do chính mình nỗ lực mà được, mà chính mình cũng có thể đem tiền Tài chu cấp cho gia đình. Nhưng vì cung Điền Trạch can Kỷ, chuyển sao Vũ khúc hóa Lộc nhập cung Quan lộc, mà cung Điền Trạch lại tự hóa Ky xuất, hình thành cho gia đình tiền tài lại vì gia đình chi tiêu hưởng thụ tốn kém quá nhiều, vĩnh viễn nhập không đủ xuất. Nữ nếu lấy góc độ khác xem, cung Điền Trạch xem như cung đồng Mệnh, chuyển Lộc nhập cung Quan lộc, kỳ thật cũng là chính mình kiếm được tiền, chính mình lại tiêu vào sự nghiệp của mình hoặc trên người mình. Can Bính lại làm Liêm Trinh tại bản Mệnh tự Hóa Ky, chính là ý chủ đem mọi thứ tốt đều cho gia đình, xấu toàn tự mình gánh chịu. Giáp Mệnh Ky năm sinh Thái Dương tinh rơi vào "Cung Nô bộc", chủ một thân đối với bằng hữu tiếc tình,

giống như thiếu nợ bạn bè. Cung Phúc đức cư Thìn vị tọa Quyền năm sinh Phá Quân tinh, can cung là Mậu, chủ tư tưởng cố chấp, thường xuyên lao tâm phí thần. Can cung Mậu Tham Lang hóa Lộc nhập Thiên di, Thiên Cơ hóa Kỵ nhập cung Tật ách, chủ xuất ngoại hay tử sắc hưởng thụ, tự tư mà giáo biện, tuy luyện tiết tình cảm, nhưng không có bạn tri tâm. Cung Tật ách cư Dậu vị, Cự Môn tinh tự hóa Quyền, can cung Quý chủ phá hao, tính tình không tốt, tuy nhiệt tâm nhưng thích chỗ mũi vào chuyện người khác, nói chuyện không để lại đường lui, đúng lý không tha người. Quý Phá Quân hóa Lộc nhập cung Phúc đức, chủ một tâm bạn rộng xã giao, truy cầu lý tưởng của mình, lao lực thể xác tinh thần. Quý Tham Lang hóa Kỵ nhập cung Thiên di xung bản Mệnh, chủ thường tại bên ngoài và bạn bè khách hàng sống phóng túng, khiến ảnh hưởng sức khỏe.

<p>Q. Tị ĐIÊN TRẠCH 33</p> <p>THIÊN CƠ (V)</p> <p>Văn Khúc (M) Tả Phụ Hóa Quyền (D) Lộc Tôn (D) Bát Toa Hồng Loan Thiên Quan Long Đức Bắc Sỹ</p> <p>năm Hợi Bệnh tháng 12</p>	<p>G. Ngọ QUAN LỘC 43</p> <p>TỬ VI (M)</p> <p>Lục Sĩ Kính dương (H) Bạch Hổ (H) L.Thiên Khốc L.Thiên Hu</p> <p>năm Tý Tử tháng 1</p>	<p>Á. Mùi NÔ BỘC 53</p> <p>Thái Phụ Thiên Đức Phúc Đức Thanh Long</p> <p>Quả Tú Thiên Thương Lưu Hà L.Đà La</p> <p>năm Sửu Mộ tháng 2</p>	<p>B. Thân THIÊN DI 63</p> <p>PHÁ QUÂN (H)</p> <p>Thiên Mã (H) Địa Giải L.N.Văn Tinh L.Lộc Tôn</p> <p>Thiên Khốc (H) Điếu Khách Tiểu Hao (D) L.Bạch Hổ</p> <p>năm Dần Tuyệt tháng 3</p>
<p>N. Thìn PHÚC ĐỨC THÂN 23</p> <p>THẤT SÁT (H)</p> <p>Đà La (D) Thiên Hu (H) Thiên La Tuế Phá Quan Phủ</p> <p>năm Tuất Suy tháng 11</p>	<p>Họ tên: Át Mệnh</p> <p>Năm: 1946 Bính Tuất</p> <p>Tháng: 3 2 Tân Mão</p> <p>Ngày: 20 17 Quý Tị</p> <p>Giờ: 02:00 Quý Sửu</p> <p>Năm xem: 2020 Canh Tý 75 tuổi</p> <p>Âm Dương: Dương Nam Âm Dương thuận lý</p> <p>Mệnh: Óc Thượng Thổ</p> <p>Cục: Mộc Tam Cục Cục khắc Mệnh Thần cư Phúc</p> <p>Mệnh chủ: Lộc Tôn Thần chủ: Văn Xương</p> <p>扶南 扶南公司</p>	<p>Đ. Dậu TẬT ÁCH 73</p> <p>Văn Xương (M) Hữu Bật Hóa Khoa (D) Thiên Việt Tam Thai Thiên Giải</p> <p>Thiên Sĩ Trục Phủ Tướng Quân L.Kính Dương</p> <p>năm Mão Thai tháng 4</p>	
<p>T. Mão PHỤ MẪU 13</p> <p>THÁI DƯƠNG (V) THIÊN LƯƠNG (V)</p> <p>Phong Cáo Đào Hoa Nguyệt Đức</p> <p>Tử Phủ Phục Bình</p> <p>năm Dậu ĐẾ tháng 10</p>	<p>Để luận giải, mời bạn liên hệ LÝ SỐ HỘI QUÁN. ĐC: 104 Mai Anh Tuấn (ven hồ Hoàng Cầu), Hà Nội. ĐT: 1900.633316 - Email: bantuvan@lyso.vn.</p>	<p>M. Tuất TÀI BẠCH 83</p> <p>LIÊM TRINH (M) THIÊN PHÚ (V)</p> <p>Đường Phủ Hoa Cái Tấu Thủ</p> <p>Hóa Kị (B) Địa Không (H) Thiên Hình (H) Địa Võng Đầu Quân Thái Tuế</p> <p>năm Thìn Đương tháng 5</p>	
<p>C. Dần MỆNH 3</p> <p>VŨ KHÚC (V) THIÊN TƯỚNG (M)</p> <p>Thiên Quý Long Trì Thiên Thọ Thiên Y L.Thiên Mã</p> <p>Hỏa Tinh (D) Linh Tinh (D) Thiên Điều (D) Quan Phủ Đại Hao (D) L.Tang Môn</p> <p>năm Thân Lâm Quan tháng 9</p>	<p>T. Sửu HUYNH ĐỆ 113</p> <p>THIÊN ĐỒNG (H) CỰ MÔNG (H)</p> <p>Hỏa Lộc (V) Quốc Ấn Thiếu Âm</p> <p>Phá Toái Bệnh Phủ</p> <p>năm Mùi Quan Đới tháng 8</p>	<p>C. Tý THẾ THIẾP 103</p> <p>THAM LANG (H)</p> <p>Ân Quang Phượng Các Thiên Tài Giải Thân Thiên Trù Thiên Phúc Hi Thân</p> <p>Địa Kiếp (H) Tang Môn (H) L.Thái Tuế</p> <p>năm Ngọ Mộc Dục tháng 7</p>	<p>K. Hợi TỬ TỨC 93</p> <p>THÁI ẤM (M)</p> <p>Thiên Khôi Thiên Hi Thiếu Dương</p> <p>Cố Thân Thiên Không Kiếp Sát Phi Liêm</p> <p>năm Tị Trường Sinh tháng 6</p>

4, Ất Mệnh: Cung bản Mệnh tọa Vũ, Tướng, Diêu, Hỏa, gặp cung bản Mệnh tự hóa Quyền, xem tượng pháp nói: Chủ cử chỉ bá đạo, tính cách kiên cường hiểu thẳng. Cung bản Mệnh can Canh, Thái Dương hóa Lộc

nhập cung Phụ mẫu, chủ có duyên dày với bố, tình cảm tốt. Canh Thiên Đồng hóa Kỵ nhập cung Huynh đệ, chủ rất quan tâm anh em bạn bè, quan tâm đến mẹ, nhưng gặp cung Huynh đệ có tọa Lộc tinh năm sinh ứng gặp tự hóa Lộc xuất, cấu thành Kỵ cần kiềm chế Lộc, nhưng Thiên di không chế trụ nổi. Ý là muốn quản buộc anh em hoặc muốn giữ lại tiền tiết kiệm, quản thúc không được, lưu không được, ngược lại bị anh em bạn bè liên lụy, khiến tài khó bị tổn thất. Người này Kỵ năm sinh Liêm Trinh lạc cung Tài bạch, cư khó vị, là người chú trọng tiền tài, tiết kiệm, kiếm tài vận không tốt. Cung Phúc đức của người này cư Thìn vị, tọa Sát Linh Đà, can cung Nhâm, chủ tư tưởng cố chấp, tự phụ lại thâm trầm. Nhâm Thiên Lương hóa Lộc nhập cung Phụ mẫu, Vũ Khúc hóa Kỵ nhập bản Mệnh, chủ có sản nghiệp tổ tiên, nhưng cũng có tai họa từ tổ tiên, tuy chính mình có thể lao lực kiếm tiền, nhưng tương đối tự tư, lại mang theo nghiệp chướng, xuất ngoại gặp tai thì hung. Cung Tật ách cư cung Dậu, tọa Khoa năm sinh, nói chuyện có thể lấy lý phục người, gặp bệnh thì có thể tìm tới thầy thuốc tốt. Cung Tật ách can Đinh Thái Âm hóa Lộc bay vào cung Tử tức, Cự Môn hóa Kỵ bay vào cung Huynh đệ, xung phá Lộc tinh năm sinh tọa cung Huynh đệ, chủ tuy nhân duyên tốt, nhưng thân thể nhiều kiếp số tai ách.

Hai, Bính Đinh hai bên, năm sinh giống nhau, ngày tháng sinh khác biệt.

1, Bính Mệnh: sinh năm Tân Sửu, mộc tam cục, ba tuổi lên đại vận.

Thất tinh định điểm tại cung Phụ mẫu, định tượng lạc cung Tật ách.

<p>Q. Tị ĐIÊN TRẠCH 93</p> <p>TỬ VI (M) THẤT SÁT (V)</p> <p>Văn Khúc (M) Thiên Khốc (H) Tả Phụ Quan Phủ Hóa Khoa (D) Tướng Quân Long Trì Quốc Ân Thiên Thọ Thiên Phúc</p> <p>năm Hợi Bệnh tháng 12</p>	<p>G. Ngọ QUAN LỘC 83</p> <p>Thiên Khôi Tử Phù Bát Tọa Tiểu Hao (H) Đào Hoa L.Thiên Khốc Thiên Trù L.Thiên Hu Nguyễn Đức</p> <p>năm Tý Suy tháng 1</p>	<p>A. Mùi NÔ BỘC 73</p> <p>Thái Phụ Thiên Hư (D) Thanh Long Thiên Thương Tuế Phá L.Đà La</p> <p>năm Sửu Đế Vương tháng 2</p>	<p>B. Thân THIÊN DI 63</p> <p>Tam Thai Đà La (H) Thiên Hi L.Bạch Hổ Địa Giải Long Đức Lục Sĩ L.Lộc Tôn</p> <p>năm Dần Lâm Quan tháng 3</p>
<p>N. Thìn PHÚC ĐỨC THÂN 03</p> <p>THIÊN CƠ (M) THIÊN LƯƠNG (M)</p> <p>Thiếu Âm Thiên La Tấu Thư</p> <p>năm Tuất Tử tháng 11</p>	<p>Họ tên: Bình Mệnh</p> <p>Năm: 1961 Tân Sửu</p> <p>Tháng: 3 2 Tân Mão</p> <p>Ngày: 20 4 Nhâm Tý</p> <p>Giờ: 02:00 Tân Sửu</p> <p>Năm xem: 2020 Canh Tý 60 tuổi</p> <p>Âm Dương: Âm Nam</p> <p>Âm Dương nghịch lý</p> <p>Mệnh: Bích Thượng Thổ</p> <p>Cục: Mộc Tam Cục</p> <p>Cục khắc Mệnh</p> <p>Thần cư Phúc</p> <p>Mệnh chủ: Lộc Tồn</p> <p>Thần chủ: Thiên Tướng</p> <p>Đề luận giải, mời bạn liên hệ LÝ SỐ HỘI QUÁN. ĐC: 104 Mai Anh Tuấn (ven hồ Hoàng Cầu), Hà Nội. ĐT: 1900.633316 - Email: bantuvan@lyso.vn.</p>		<p>Đ. Dậu TẬT ÁCH 53</p> <p>LIÊM TRINH (H) PHÁ QUÂN (H)</p> <p>Văn Xương (M) Hóa Kị (H) Hữu Bật Thiên Sứ Lộc Tôn (B) Bạch Hổ (D) Phượng Các L.Kính Dương Thiên Giải Giải Thần Thiên Quan Bắc Sỹ</p> <p>năm Mão Quan Đồi tháng 4</p>
<p>T. Mão PHỤ MẪU 113</p> <p>THIÊN TƯỚNG (H)</p> <p>Thiên Quý Lưu Hà Phong Cáo Tang Môn (D) Thiên Tài Phi Liêm</p> <p>năm Dậu Mộ tháng 10</p>	<p>M. Tuất TÀI BẠCH 43</p> <p>Thiên Đức Kính dương (D) Phúc Đức Địa Không (H) Thiên Hình (H) Quả Tú Địa Vọng Quan Phủ</p> <p>năm Thìn Mộc Đức tháng 5</p>		
<p>C. Dần MỆNH 3</p> <p>THÁI DƯƠNG (V) CỰ MÓN (V)</p> <p>Hóa Lộc (D) Hóa Tinh (D) Hóa Quyền (D) Thiên Diệu (D) Thiên Việt Cô Thần Hồng Loan Thiên Không Đường Phủ Kiếp Sát Thiên Y L.Tang Môn Thiếu Dương Hi Thần L.Thiên Mã</p> <p>năm Thân Tuyết tháng 9</p>	<p>T. Sửu HUYNH ĐỆ 13</p> <p>VŨ KHƯƠNG (M) THAM LANG (M)</p> <p>Hoa Cái Đẩu Quân Phá Toại Thái Tuế Bệnh Phù</p> <p>năm Mùi Thái tháng 8</p>	<p>C. Tý THẾ THIẾP 23</p> <p>THIÊN ĐÔNG (V) THÁI ÁM (V)</p> <p>LN.Văn Tinh Địa Kiếp (H) Trúc Phù Đại Hao (H) L.Thái Tuế</p> <p>năm Ngọ Dương tháng 7</p>	<p>K. Hợi TỬ TỨC 33</p> <p>THIÊN PHỦ (D)</p> <p>Thiên Mã (H) Linh Tinh (H) Án Quang Điếu Khách Phục Bình</p> <p>năm Tị Trường Sinh tháng 6</p>

Đinh Mệnh: sinh năm Tân Sửu, mộc tam cục, ba tuổi lên đại vận.

Thất tinh định điem tại cung Phụ mẫu, định tượng lạc cung Thiên di.

<p>Q. Tị PHÚC ĐỨC THÂN 03</p> <p style="text-align: center;">CỤ MÓN (H)</p> <p>Văn Khúc (M) Thiên Khốc (H) Hóa Lộc (D) Quan Phủ Hóa Khoa (D) Tướng Quân Long Trì Quốc Ân Thiên Phúc</p> <p>năm Hợi Bệnh tháng 1</p>	<p>G. Ngọ ĐIỀN TRẠCH 93</p> <p style="text-align: center;">LIÊM TRINH (V) THIÊN TƯỚNG (V)</p> <p>Tả Phủ Tử Phủ Thiên Khôi Tiểu Hao (H) Thiên Thọ L. Thiên Khốc Đào Hoa L. Thiên Hư Nguyệt Đức</p> <p>năm Tý Suy tháng 2</p>	<p>Á. Mùi QUAN LỘC 83</p> <p style="text-align: center;">THIÊN LƯƠNG (D)</p> <p>Thái Phủ Thiên Hư (D) Thanh Long Tuế Phá L. Đà La</p> <p>năm Sửu ĐẾ VƯỢNG tháng 3</p>	<p>B. Thân NÔ BỘC 73</p> <p style="text-align: center;">THẤT SÁT (M)</p> <p>Hữu Bật Đà La (H) Thiên Hi Thiên Thương Long Đức L. Bạch Hổ Lộc Sĩ L. Lộc Tôn</p> <p>năm Dần Lâm Quan tháng 4</p>
<p>Tuần - Triệt</p>			
<p>N. Thìn PHỤ MẪU 113</p> <p style="text-align: center;">THAM LANG (V)</p> <p>Bát Toa Thiên La Thiên Tài Thiệu Âm Tấu Thù</p> <p>năm Tuất Từ tháng 12</p>	<p>Họ tên: Đinh Mệnh</p> <p>Năm: 1961 Tân Sửu</p> <p>Tháng: 4 3 Nhâm Thìn</p> <p>Ngày: 19 5 Nhâm Ngọ</p> <p>Giờ: 02:00 Tân Sửu</p> <p>Năm xem: 2020 Canh Tý 60 tuổi</p> <p>Âm Dương: Âm Nam</p> <p>Âm Dương thuận lý</p> <p>Mệnh: Bích Thượng Thổ</p> <p>Cục: Mộc Tam Cục</p> <p>Cục khác Mệnh Thân cư Phúc</p> <p>Mệnh chủ: Văn Khúc Thân chủ: Thiên Tướng</p> <p style="text-align: center; font-size: 2em; font-weight: bold;">理 數 越</p> <p style="text-align: center; font-size: 1.5em; font-weight: bold;">扶 南 壽 公 司</p> <p style="text-align: center; color: red; font-weight: bold;">Để luận giải, mời bạn liên hệ LỖY SỐ HỘI QUÁN. ĐC: 104 Mai Anh Tuấn (ven hồ Hoàng Cầu), Hà Nội. ĐT: 1900.633316 - Email: bantuvan@lyso.vn.</p>		<p>Đ. Dậu THIÊN DI 63</p> <p style="text-align: center;">THIÊN ĐỒNG (H)</p> <p>Văn Xương (M) Hóa Kị (H) Lộc Tôn (B) Bạch Hổ (D) Phương Các L. Kinh Dương Địa Giải Giải Thân Thiên Quan Bắc Sỹ</p> <p>năm Mão Quan Đồi tháng 5</p>
<p>T. Mão MỆNH 3</p> <p style="text-align: center;">THÁI ẤM (H)</p> <p>Phong Cáo Thiên Diêu (D) Thiên Y Lưu Hà Tang Môn (D) Phi Liêm</p> <p>năm Dậu Mộ tháng 11</p>			<p>M. Tuất TẬT ÁCH 53</p> <p style="text-align: center;">VÔ KHÚC (M)</p> <p>Tam Thai Kinh dương (D) Thiên Giải Địa Không (H) Thiên Đức Quả Tú Phúc Đức Thiên Sĩ Địa Vong Quan Phủ</p> <p>năm Thìn Mộc Dục tháng 6</p>
<p>C. Dần HUYNH ĐỆ 13</p> <p style="text-align: center;">TỬ VI (M) THIÊN PHỦ (M)</p> <p>Thiên Việt Hóa Tinh (D) Thiên Quý Cốt Thân Hồng Loan Thiên Không Đường Phủ Kiếp Sát Thiệu Dương L. Tang Môn Hi Thần L. Thiên Mã</p> <p>năm Thân Tuyết tháng 10</p>	<p>T. Sửu THÊ THIẾP 23</p> <p style="text-align: center;">THIÊN CƠ (D)</p> <p>Hoa Cái Phá Toái Thái Tuế Bệnh Phù</p> <p>năm Mùi Thái tháng 9</p>	<p>C. Tý TỬ TỨC 33</p> <p style="text-align: center;">PHÁ QUÂN (M)</p> <p>Ân Quang Địa Kiếp (H) LN. Văn Tinh Đấu Quân Trực Phủ Trục Phủ Đại Hao (H) L. Thái Tuế</p> <p>năm Ngọ Dương tháng 8</p>	<p>K. Hợi TÀI BẠCH 43</p> <p style="text-align: center;">THÁI DƯƠNG (H)</p> <p>Hóa Quyền (D) Linh Tinh (H) Thiên Mã (H) Thiên Hình (H) Điều Khách Phục Bình</p> <p>năm Tị Trường Sinh tháng 7</p>

2, Bính Mệnh can cung Mệnh là Canh, cư Dần vị, thuộc Nhân Vị. Đinh Mệnh can cung Mệnh là Tân, cư Mão vị, thuộc Thiên Vị. Bính Đinh hai bên cục số giống nhau, lên đại vận giống nhau, thất tinh định điểm cũng giống nhau, nhưng can cung Mệnh của hai người khác biệt, cung Mệnh lạc cung cũng khác biệt, như ngôi thuyền khác biệt, treo cờ khác biệt, thừa nhận được mất tất không giống nhau. Bính Mệnh can cung Mệnh là Canh, Thái Dương hóa Lộc, Thiên Đồng hóa Kỵ; Đinh Mệnh can cung Mệnh là Tân lại làm Cự Môn hóa Lộc, Văn Xương hóa Kỵ, Lộc Kỵ khác biệt, Lộc Kỵ lạc cung bố khí khác biệt, vận khí tất nhiên khác biệt.

3, Bính Mệnh: Cung bản Mệnh tọa Kinh Dương, Cự, Diêu, Việt và Lộc tinh năm sinh lại tự hóa Lộc, Quyền, Lộc tự hóa Lộc là lộc xuất, chỉ còn Quyền tinh năm sinh, chính là chủ bản thân có tài hoa và năng lực, nhưng làm việc lại cầu thả, luôn tự thị, thường có đầu không đuôi, nói thì hay nhưng lại không có thực tế, dễ cơ hội xói mòn. Bản Mệnh tọa Lộc năm sinh Thái Dương tinh, can cung Canh Thái Dương tự Hóa Lộc mà Thiên Đồng tự hóa Kỵ nhập cung Phụ thê, gặp can cung Phụ thê cũng là Canh Thiên Đồng tự hóa Kỵ, cấu thành thoái mã Kỵ, Kỵ này thoái hai ô nhập cung Tài bạch, ý chính mình không trân tiếc chính mình, không thiết thực, ngược lại ỷ vào phối ngẫu, quản thúc phối ngẫu, do đó phối ngẫu không mặc kệ anh ta, do đó giữa vợ chồng vì tiền tài mà cãi nhau, thậm chí dẫn đến ly hôn. Nếu lấy phối ngẫu mà nói, chính là Thái Dương hóa Lộc nhập Mệnh, phối ngẫu đối tốt với anh ta, vì gặp bản Mệnh tự hóa Lộc, là lộc xuất, tức người này không biết hoặc không trân quý phối ngẫu đối với tốt với mình. Kỵ năm sinh Văn Xương tinh lạc cung Tật ách, cư Dậu vị, có

Liêm, Phá, Xương, Hữu, Lộc Tồn đồng quán, chủ tính tình nôn nóng, ngay thẳng, nhưng dễ khản trương, khiến dạ dày không tốt, hay mất ngủ. Cung Tật ách can Đinh Thái Âm hóa Lộc nhập cung Phu thê, gặp cung Phu thê tự hóa Khoa Kị, chủ đối với phối ngẫu hoặc đối với người khác phái phi thường nhiệt tình, nhưng thường nhiệt tình mà bị hờ hững, rơi vào xa cách, anh ta hờ hững ứng phó. Cung Tật ách can Đinh Cự Môn hóa Kỵ nhập bản Mệnh, chủ nội tâm chỉ có chính mình. Mặt khác chủ thân thể có ẩn tật khó nói. Vì bản Mệnh có tọa Cự Môn Lộc năm sinh, Thái Dương sinh Quyền tinh, vì Thái Dương tự Hóa Lộc là đồng loại ngọn nguồn tiêu Lộc xuất, tức là đem Lộc tổn hại, còn vất vả lao碌 thân thể. Cung Phúc đức của người này can Nhâm, trong cung tọa Cơ Lương tự Hóa Lộc, có ý thông minh cơ trí, thích hưởng thụ, nhưng là người có phân tự phụ. Nhâm Vũ Khúc hóa Kỵ nhập cung Huynh đệ, chủ bạn bè anh em nhiều chuyện, cần dùng tiền hao tâm tốn sức xử lý, mà nếu có tiền thì lại dễ phạm tiểu nhân tai ương mà dẫn đến tổn tài, cấu thành hảo tâm không có hảo báo. Cung Tật ách hóa Kỵ nhập bản Mệnh, tâm tính là muốn lấy Kỵ bắt Lộc (dụng tâm được chỗ tốt), nhưng vì tự hóa Lộc xuất, chỉ còn lại Quyền, Kỵ dây dưa, chính là tâm lý cảm thụ lúc tốt lúc xấu. Cũng chủ sức khỏe lúc tốt lúc xấu, không thể đoạn căn. Nếu lấy tình trạng sức khỏe và phu thê hoặc người khác phái mà nói, hóa tượng chính là tuy nhiệt tình, nhưng quan hệ thường sẽ bỏ dở nửa chừng, dẫn đến phối ngẫu không thể thỏa mãn. Mà xem về tiền tài, phối ngẫu cũng chỉ có thể hờ hững ứng phó tình hình.

4, Đinh Mệnh: Cung bản Mệnh tọa Âm, Diêu, chủ cử chỉ nhã nhặn, cá tính yếu đuối, nhưng thích khoác lác, nói chuyện trời đất. Can cung bản Mệnh là Tân Cự

Môn hóa Lộc nhập Phúc đức, Văn Xương hóa Kỵ nhập Thiên di lại phùng Kỵ tinh năm sinh, là Nghịch thủy Kỵ cát tượng, nhưng gặp cung Thiên di tự Hóa Quyền, ý là lúc đầu ở nhà có thể nhẹ nhõm kiếm té thủy trường lưu chi Tài (thí dụ như mở quán trọ, tiệm cơm, hoặc nhà hàng) không cần ra ngoài dốc sức làm, nhưng cá tính lại hết lần này tới lần khác muốn đi ra ngoài, ra ngoài hưởng lạc, kết quả ngược lại dẫn đến tổn tài. Kỵ năm sinh Văn Xương tinh lạc cung Thiên di, là Mệnh hồi nhỏ ly hương xuất ngoại, gặp cung Thiên di tự hóa Quyền, chính là tượng chủ ở bên ngoài hay tranh luận, vất vả, cô độc, không có quý nhân tương trợ. Cung Phúc đức cư Tị vị, tọa Lộc năm sinh Kỵ Cự Môn tinh, Khoa năm sinh Văn Khúc tinh, lại gặp tự hóa Quyền. Ý chủ phẩm vị cao, đa tài đa nghệ. Nhưng can cung Quý là phá hao chi tinh, Quý Phá Quân hóa Lộc nhập cung Tử tức, Tham Lang hóa Kỵ nhập cung Phụ mẫu, cung Phụ mẫu chính là cung Nô bộc của Tài, Kỵ nhập chính là thiếu tiền của chúng sinh. Người này tư tưởng nhiều ý tưởng, thích giao tế, xã giao, hưởng lạc, kéo dài với nhục dục Đào Hoa, cho nên dẫn đến sức khỏe bị hao tổn và hình tượng bị thương tổn. Tuy nhiên nếu theo tông giáo tín ngưỡng thì sẽ rất thành kính, cũng sẽ làm từ thiện. Can cung Tật ách là Mậu cư Tuất vị, có tọa Vũ Không Dương Sát, chủ tính tình kiên cường, cố chấp, dễ bị tổn thương ngoài ý muốn. Can cung Tật ách là Mậu, ngũ hành thuộc thổ, thổ là ở giữa, vạn vật vô thượng không sinh, cho nên thể xác tinh thần nhiều vất vả. Mậu Tham Lang hóa Lộc nhập cung Phụ mẫu chiếu cung Tật ách, Thiên Cơ hóa Kỵ nhập cung Phụ thân cung Quan lộc, chủ tâm thái thích biểu hiện, sĩ diện, kỳ thật bản thân sức khỏe không tốt, bên ngoài mạnh bên trong yếu, dễ sinh bệnh.

Ba, Mậu Kỉ hai bên, năm tháng ngày sinh đều giống nhau, giờ sinh khác biệt.

<p>Q. Tị TÀI BẠCH 46</p> <p>THIÊN PHỦ (D)</p> <p>Tả Phụ Thiên Mã (D) Tam Thai Quốc Ấn Thiên Phúc</p> <p>Địa Không (D) Địa Kiếp (D) Cổ Thân Phá Toái Tang Môn (H) Tướng Quân</p> <p>năm Mùi Tuyệt tháng 3</p>	<p>G. Ngọ TỬ TỨC 36</p> <p>THIÊN ĐỒNG (H) THÁI ÂM (H)</p> <p>Thiên Khôi Thiên Hi Thiên Trù Thiếu Âm</p> <p>Tiểu Hao (H) L.Thiên Khốc L.Thiên Hu</p> <p>năm Thân Mộ tháng 4</p>	<p>A. Mùi THÊ THIẾP 26</p> <p>VÔ KHỨC (M) THAM LANG (M)</p> <p>Long Trì Phượng Các Giải Thân Hoa Cái Thanh Long</p> <p>Quan Phủ L.Đà La</p> <p>năm Dậu Tử tháng 5</p>	<p>B. Thân HUYNH ĐỆ 16</p> <p>THÁI DƯƠNG (H) CỰ MÔN (D)</p> <p>Hỏa Lộc (D) Hỏa Quyền (B) Phong Cáo Địa Giải Nguyệt Đúc Lục Sĩ L.Lộc Tôn</p> <p>Đà La (H) Đầu Quân Kiếp Sát Tử Phủ L.Bạch Hổ</p> <p>năm Tuất Bệnh tháng 6</p>
<p>N. Thìn TẬT ÁCH 56</p> <p>Văn Xương (D) Thiếu Dương Tấu Thư</p> <p>Hỏa Kị (B) Linh Tinh (D) Thiên Sứ Thiên La Thiên Không</p> <p>năm Ngọ Thai tháng 2</p>	<p>Họ tên: Mậu Mệnh</p> <p>Năm: 1951 Tân Mão</p> <p>Tháng: 3 2 Tân Mão</p> <p>Ngày: 20 13 Kỷ Mùi</p> <p>Giờ: 12:00 Canh Ngọ</p> <p>Năm xem: 2020 Canh Tý 70 tuổi</p> <p>Âm Dương: Âm Nam</p> <p>Âm Dương thuận lý</p> <p>Mệnh: Tùng Bách Mộc</p> <p>Cục: Hoà Lục Cục</p> <p>Mệnh sinh Cục</p> <p>Thân cư Mệnh</p> <p>Mệnh chủ: Văn Khúc</p> <p>Thân chủ: Thiên Đồng</p> <p>Để luận giải, mời bạn liên hệ LÝ SỐ HỘI QUÁN. ĐC: 104 Mai Anh Tuấn (ven hồ Hoàng Cầu), Hà Nội. ĐT: 1900.633316 - Email: bantuvan@lyso.vn.</p>	<p>Đ. Dậu MỆNH THÂN 6</p> <p>THIÊN TƯỚNG (H)</p> <p>Hữu Bật Lộc Tôn (B) Bát Tọa Thiên Giải Thiên Quan Bác Sỹ</p> <p>Thiên Hu (D) Tuế Phá L.Kinh Dương</p> <p>năm Hợi Suy tháng 7</p>	
<p>T. Mão THIÊN DI 66</p> <p>LIÊM TRINH (H) PHÁ QUÁN (H)</p> <p>Án Quang</p> <p>Hỏa Tinh (D) Thiên Khốc (D) Lưu Hà Thái Tuế Phi Liêm</p> <p>năm Tị Dưỡng tháng 1</p>		<p>M. Tuất PHỤ MẪU 116</p> <p>THIÊN CƠ (M) THIÊN LƯƠNG (M)</p> <p>Văn Khúc (H) Hỏa Khoa (V) Long Đức</p> <p>Kinh dương (D) Thiên Hình (H) Địa Võng Quan Phủ</p> <p>năm Tý Đế Vương tháng 8</p>	
<p>C. Dần NÓ BỘC 76</p> <p>Thiên Việt Đường Phủ Thiên Y Hi Thân L.Thiên Mã</p> <p>Thiên Diêu (D) Thiên Thương Trực Phủ L.Tang Môn</p> <p>năm Thìn Trường Sinh tháng 12</p>	<p>T. Sửu QUAN LỘC 86</p> <p>Quẻ Tử Điêu Khách Bệnh Phủ</p> <p>năm Mão Mộc Dục tháng 11</p>	<p>C. Tý ĐIỆN TRẠCH 96</p> <p>Hồng Loan Thái Phủ Thiên Tài Thiên Thọ Đào Hoa Thiên Đức LN.Văn Tinh Phúc Đức</p> <p>Đại Hao (H) L.Thái Tuế</p> <p>năm Dần Quan Đồi tháng 10</p>	<p>K. Hợi PHÚC ĐỨC 106</p> <p>TỬ VI (B) THẤT SÁT (V)</p> <p>Thiên Quý</p> <p>Bạch Hổ (H) Phục Bình</p> <p>năm Sửu Lâm Quan tháng 9</p>

1, Mậu Mệnh: Sinh giờ Ngọ, can cung Mệnh là Đinh, cư Dậu vị, hỏa lục cục, sáu tuổi lên đại vận.

Thất tinh định điểm tại cung Nô bộc, định tượng rơi vào hai cung Thiên di và Quan lộc.

Kỷ Mệnh: Sinh giờ Dậu, can cung Mệnh là Giáp, cư Ngọ vị, kim tứ cục, bốn tuổi lên đại vận.

Thất tinh định điểm tại cung Phúc đức, định tượng ở hai cung Tử tức và Tật ách.


2, Mậu Kỉ hai bên can cung Mệnh khác biệt, tọa cung khác biệt, Mệnh Bàn cục số khác biệt, lên đại vận khác biệt, thất tinh định điểm khác biệt, định tượng cũng khác biệt, mệnh cách, thành tựu và hành vận khởi phục sao lại giống nhau?

3, Mậu Mệnh: Cung Mệnh tọa Tướng, Hữu, Lộc Tồn, chủ một thân cá tính hành vi cô độc, hơi có vẻ bảo thủ, nhưng vẫn có tâm giúp người. Can cung Mệnh là Đinh Thái Âm hóa Lộc nhập cung Tử tức, kết thiện duyên rất rộng, trước hôn nhân dễ có Đào Hoa, cưới sau dễ có ngoại tình, quan hệ xã hội thủ đoạn tốt. Đinh Cự Môn hóa Kỵ nhập cung Huynh đệ, chủ quan tâm đến anh em, giúp đỡ bạn bè, nhưng vì cung Huynh đệ nguyên có tọa Lộc tinh năm sinh và Quyền tinh, Mệnh hóa Kỵ nhập, chính là chủ Kỵ dặt chế Lộc Quyền, muốn quản buộc Lộc Quyền, thì hình thành Kỵ xung phá Lộc mà thành song Kỵ, cùng Quyền Kỵ dây dưa, xung cung Nô bộc. Ý chủ quan tâm đến anh em và bạn bè nhưng ngược lại tạo thành hiểu lầm mà không khỏi tranh chấp không ngớt. Nếu tiến một bước

lấy can cung Huynh đệ là Bính Liêm Trinh hóa Ky nhập Thiên di xung cung Mệnh để xem, chính là biết anh em có chấp, tự tư, mà lại không rõ lý, căn bản sẽ không tiếp nhận quan tâm và quản thúc. Can cung Phúc đức Kỷ Vũ Khúc hóa Lộc nhập cung Phu thê, chủ đối với phối ngẫu tốt, hôn nhân mỹ mãn, nỗ lực phát triển sự nghiệp, sự nghiệp có thành tựu. Can Kỷ Văn Khúc hóa Ky nhập cung Phụ mẫu, gặp cung Phụ mẫu tự Hóa Ky, là Ky xuất, Ky xung cung Tật ách chính là sức khỏe dễ có tai ách, thậm chí có tượng nguy hiểm cho tính mệnh. Vì cung Phúc đức chính là Thê của cung tật ách, cũng là cung vị thọ nguyên, thọ nguyên vị hóa Ky xung Tật ách, chính là chỉ biết làm việc kiếm tiền mà dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe, hoặc phát sinh nguy hiểm cho tính mệnh. Cung Tật ách gốc có tọa Văn Xương Ky tinh năm sinh, Kỷ chủ dạ dày ruột không tốt, tinh thần dễ khản trương, cũng dễ cảm mạo. Can cung Nhâm Thiên Lương hóa Lộc nhập cung Phụ mẫu, gặp cung Phụ mẫu Thiên Cơ tự hóa Ky, là Lộc xuất, chủ một lòng nỗ lực kiếm tiền, cuối cùng cái giá phải trả là sức khỏe. Nhâm Vũ Khúc hóa Ky nhập cung Phu thê, cung Phu thê chính là cung Tật ách của cung Điền Trạch, cho nên chủ sức khỏe không tốt. Lại vì cung Phu thê là cung Quan lộc của cung Thiên di, chắc chắn vì phát triển sự nghiệp mà ảnh hưởng đến sức khỏe. Lấy một góc độ khác xem, cũng có thể biết vì sức khỏe không tốt nên ngược lại khiến sự nghiệp không ổn.

4, Kỷ Mệnh: Cung Mệnh tọa Liêm, Tướng, Khôi, Hỏa đồng quân, chủ cá tính hành vi nhanh nhẩu, vì Liêm Trinh tự hóa Lộc, chủ thông minh, có nhân duyên, có phong độ, có phẩm vị nghệ thuật, chính là cách cục tự lập mà có thành tựu. Can cung Mệnh là Giáp Liêm Trinh tự

hóa Lộc, Thái Dương hóa Ky nhập cung Nô bộc, phòng Quyền năm sinh.

<p>Q. Tị HUYNH ĐỀ 14</p> <p>CỰ MÔN (H)</p> <p>Tả Phụ Hóa Lộc (D) Thiên Mã (D) Tam Thai Quốc Ấn Thiên Phúc</p> <p>Cố Thân Phá Toái Tang Môn (H) Tướng Quân</p> <p>năm Mùi Trưởng Sinh tháng 12</p>	<p>G. Ngọ MỆNH 4</p> <p>LIÊM TRINH (V) THIÊN TƯỚNG (V)</p> <p>Thiên Khôi Thiên Hi Thiên Trù Thiếu Âm</p> <p>Tiểu Hao (H) L.Thiên Khốc L.Thiên Hư</p> <p>năm Thân Dương tháng 1</p>	<p>A. Mùi PHỤ MẪU 114</p> <p>THIÊN LƯƠNG (D)</p> <p>Long Trì Phượng Các Giải Thân Hoa Cái Thanh Long</p> <p>Linh Tinh (H) Quan Phủ L.Đà La</p> <p>năm Dậu Thai tháng 2</p>	<p>B. Thân PHÚC ĐỨC 104</p> <p>THẤT SÁT (M)</p> <p>Địa Giải Nguyệt Đức Lục Sĩ L.Lộc Tôn</p> <p>Đà La (H) Địa Kiếp (D) Kiếp Sát Tử Phủ L.Bạch Hổ</p> <p>năm Tuất Tuyệt tháng 3</p>
<p>N. Thìn THẾ THIẾP 24</p> <p>THAM LANG (V)</p> <p>Thiếu Dương Tấu Thư</p> <p>Thiên La Thiên Không</p> <p>năm Ngọ Mộc Đức tháng 11</p>	<p>Họ tên: Kỳ Mệnh</p> <p>Năm: 1951 Tân Mão</p> <p>Tháng: 3 2 Tân Mão</p> <p>Ngày: 20 13 Kỷ Mùi</p> <p>Giờ: 18:00 Quý Dậu</p> <p>Năm xem: 2020 Canh Tý 70 tuổi</p> <p>Âm Dương: Âm Nam Âm Dương nghịch lý</p> <p>Mệnh: Tùng Bách Mộc</p> <p>Cục: Kim Tứ Cục Cục khắc Mệnh Thân cư Di</p> <p>Mệnh chủ: Phá Quân Thân chủ: Thiên Đồng</p> <p>Để luận giải, mời bạn liên hệ LÝ SỐ HỘI QUÁN. ĐC: 104 Mai Anh Tuấn (ven hồ Hoàng Cầu), Hà Nội. ĐT: 1900.633316 - Email: bantuvan@lyso.vn.</p> <p style="text-align: right;">  </p>	<p>Đ. Dậu ĐIỀN TRẠCH 94</p> <p>THIÊN ĐỒNG (H)</p> <p>Hữu Bật Lộc Tôn (B) Bát Tọa Thiên Tài Thiên Giải Thiên Quan Bác Sỹ</p> <p>Thiên Hư (D) Tuế Phá L.Kinh Dương</p> <p>năm Hợi Mộ tháng 4</p>	
<p>T. Mão TỬ TỨC 34</p> <p>THÁI ẤM (H)</p> <p>Thai Phụ Thiên Thọ</p> <p>Thiên Khốc (D) Lưu Hà Thái Tuế Phi Liêm</p> <p>năm Tị Quan Đồi tháng 10</p>	<p>T. Sửu TẬT ÁCH 54</p> <p>THIÊN CƠ (D)</p> <p>Văn Xương (M) Văn Khúc (M) Hóa Khoa (V)</p> <p>Hóa Kị (B) Quê Tú Thiên Sĩ Điêu Khách Bệnh Phù</p> <p>năm Mão Đề Vương tháng 8</p>	<p>M. Tuất QUAN LỘC 84</p> <p>VÔ KHÚC (M)</p> <p>Long Đức</p> <p>Kinh dương (D) Thiên Hình (H) Địa Võng Quan Phủ</p> <p>năm Tý Tử tháng 5</p>	
<p>C. Dần TÀI BẠCH 44</p> <p>TỬ VI (M) THIÊN PHỦ (M)</p> <p>Thiên Việt Thiên Quý Đường Phủ Thiên Y Hi Thân L.Thiên Mã</p> <p>Địa Không (D) Thiên Diệu (D) Trực Phủ L.Tang Môn</p> <p>năm Thìn Lâm Quan tháng 9</p>	<p>C. Tý THIÊN DI THẬN 64</p> <p>PHÁ QUÂN (M)</p> <p>Ân Quang Hồng Loan Đào Hoa Thiên Đức LN.Văn Tinh Phúc Đức</p> <p>Hỏa Tinh (H) Đại Hao (H) L.Thái Tuế</p> <p>năm Dần Suy tháng 7</p>	<p>K. Hợi NÔ BỘC 74</p> <p>THÁI DƯƠNG (H)</p> <p>Hỏa Quyền (D) Phong Cáo</p> <p>Thiên Thương Đấu Quân Bạch Hổ (H) Phục Bình</p> <p>năm Sửu Bệnh tháng 6</p>	

Chính là luôn quan tâm bạn bè, trân quý tình bạn, nhưng vì bạn bè bá khí, thường được tiện nghi còn khoe mẽ, thậm chí chính mình còn bị bạn bè bán rẻ. Can cung Phúc đức là Bính Thiên Đồng hóa Lộc nhập cung Điền trạch, chủ gia tài nhiều, có sản nghiệp tổ tiên, được hưởng phúc. Bính Liêm Trinh hóa Kỵ nhập Mệnh, chủ tổ tiên thất đức, vận khí không tốt, dẫn đến con cái và chính mình có bị nghiệp báo, nhưng gặp cung Mệnh lại có Liêm Trinh tự hóa Lộc, là Kỵ xuất, ý là chính mình vẫn giữ được tâm vui vẻ, không thêm để ý, dù sao cao hứng là làm theo ý mình. Can cung Tật ách là Tân Cự Môn hóa Lộc nhập cung Huynh đệ, gặp Lộc tinh năm sinh tọa ở cung Huynh đệ, cấu thành điệp xuất Lộc; mà cung Tật ách gốc vốn có tọa Khoa năm sinh Văn Khúc, cùng Kỵ tinh năm sinh Văn Xương, nhưng Văn Khúc và Văn Xương lại tự hóa Khoa Kỵ, là Khoa xuất, Kỵ xuất. Chính là trong tâm hiểu sức khỏe bản thân vốn không tốt, nhưng anh em bạn bè thịnh tình khó chối từ, ngay cả mình cũng không biết làm thế nào cho phải.

Bốn, luận giải ba tổ sáu ví dụ ở trên cùng là nam Mệnh thuộc "Cung Bạch Dương", chỉ lấy ba góc độ cá tính hành vi, tâm tính, tư tưởng quan niệm để phân tích so với cách cục, hiển nhiên đã có khác biệt lớn. Nếu lại phân biệt đối đãi lục thân, tình cảm, quan hệ nhân mạch, sự nghiệp, năng lực quản lý tài sản các loại góc độ cách cục từng cái phân tích, thì được mất thành bại khác biệt càng rõ hơn. Huống chi đây cũng chỉ là thuộc về tượng "Không gian" mà thôi, nhất định phải lại thêm vào hành vận tượng "Thời gian", thời không phối hợp biểu hiện cát hung mới là cảm thụ được vận mệnh mỗi người. Một lá số có thể dựa vào

bản thân thể dụng, tương hỗ thể dụng, phân tích hai ngày còn không hết, chòm sao làm được sao?

Năm, nam Mệnh và nữ Mệnh lại cần theo sở thuộc năm sinh là năm dương hoặc năm âm mà quyết định vận hạn thuận hoặc nghịch hành. Cùng thuộc chòm Bạch Dương nam Mệnh hoặc nữ Mệnh, cần vì năm sinh âm dương khác biệt mà phân biệt vận hành thuận nghịch. Mọi người hành vận thuận nghịch khác biệt, nhân sinh lên xuống tao ngộ sao lại tương đồng? Lưu niên tao ngộ được mất thành bại há có thể một lời mà nói? Giống như một người lái xe đi tuyến đông tới Cao Hùng, một người khác lái xe tây tuyến cũng tới Cao Hùng, thử hỏi trình độ lái xe, đường xá, tốc độ xe nhanh chậm, trạm nghỉ, phong cảnh các loại, hai người tâm tình phải chăng giống nhau? Nếu không phải, như vậy mệnh lý học lý luận còn gì là thâm ảo? Còn gì là hợp khoa học tự nhiên? Còn gì có năng lực?

Điểm chính Tử Vi Đẩu Số hóa tinh quan khí pháp tắc

Từ lá số Tử Vi xem khí pháp, xem xét lá số lập tức có thể biết cát hung, biết cát hung liền không đến nỗi tiến thoái mà không có căn cứ. Đầu tiên xem hóa tinh năm sinh ở vào các cung vị nào trong lá số? Sau đó xem từ cung vị gì phát xạ? Ba xem hóa tinh chỗ "Nhập", chỗ "Chiếu", chỗ "Xung" cung vị? Quan sát mơ hồ như thế là có thể biết cách cục cao thấp, rủ xuồng tượng, cát hung, cuối cùng lấy quái vị xu cát tị hung.

Khí, tức chỉ kết khí và nạp khí, Tử hóa xem khí chính là vật hợp theo loài, lấy hóa khí bố cục thâm tượng để xem xét. Đầu tiên phải lấy cung Mệnh hóa khí bố cục để xem cách cục; cung Tài bạch hóa khí bố cục để xem tiền tài được mất; cung Quan lộc hóa khí để xem sự nghiệp và vận khí tốt xấu.

Khí, theo đại hạn, lưu niên di động, cô tình bố khí có thể xem tình trạng hành vận. Bản Mệnh can cung hóa khí là để quan sát tình hình "Khí" các đại hạn lưu bố; lá số đại hạn cung vị can cung hóa khí là dùng để quan sát "Khí" lưu niên lưu bố và vị trí khí kết. Lưu niên cung vị can cung hóa khí là dùng để quan sát "Khí" lưu Nguyệt lưu bố. Cho nên Hóa Kỳ tinh năm sinh tọa ở cung vị nào và tự Hóa Kỳ cung vị, có thể quan sát vị trí kết khí một người (không gian), đó là có thể xem xét để biết vấn đề dễ phát sinh (phá hao).

Nếu chỉ lấy riêng khí luận, Ky tinh năm sinh tọa cung Mệnh hoặc cung Quan lộc, vì cung Mệnh chủ hành vi của một người, mà cung Quan lộc chủ hình tượng biểu hiện với bên ngoài, cái này có thể biết người đó cá tính phóng khoáng ngay thẳng, không câu nệ tiểu tiết (thẳng ruột ngựa). Nhưng cũng có thể biết sự nghiệp của người đó không quá tốt, quan vận không tốt, mà bất luận bối cảnh xã hội hay là sự nghiệp cũng tất nhiên nhiều ít đều mang theo thị phi. Nếu cung Quan lộc hóa Kỵ bay vào cung Phụ mẫu xung cung Tật ách, vì cung Tật ách là tâm trạng thái và cảm thụ của người có lá số, ý là hình tượng (biểu hiện với bên ngoài) Kỵ xung thể xác tinh thần (nội tâm), bởi vậy có thể nhìn ra một người trong ngoài không đồng nhất, dối trá không thật. Lại như cung Quan lộc hóa Kỵ bay vào cung Huynh đệ xung cung Nô bộc, lấy sự nghiệp luận, thì sự nghiệp của người này không thuận tồn tài; lấy hình tượng luận, thì chủ một thân sẽ bị bạn bè làm hư, tạo thành hình tượng không tốt.

Mệnh, Thiên di, Phụ, Tật, Phúc có tọa Ky tinh năm sinh, hoặc tự hóa Ky tinh, là thô thẳng, tâm địa tốt, không có tâm cơ, thành thật, bản thân mình lao tâm lao lực kết quả không biết hưởng thụ, cũng sẽ làm từ thiện, che chở cho người khác, khiến người khác hưởng thụ. Nếu từ cung Mệnh hoặc cung Tật ách hóa Kỵ bay vào tuyến Phụ Tật, thì biết lòng người thẳng nhanh miệng, sẽ mắng người. Nếu từ cung Phúc đức Hóa Kỵ bay vào tuyến Phụ Tật thì là người tự tư, chỉ tự quét tuyết trước cửa. Nếu cung Phúc đức Hóa Kỵ nhập tuyến Phụ Tật mà cung Phúc đức bản cung tự hóa "Quyền", như vậy có thể người này không chỉ tự tư, thực dụng, so đo, mà tâm thuật còn bất chính, gặp tượng hóa khí này, tốt nhất ít quan hệ cùng với họ. Nhưng

nếu chỗ tự hóa tinh là "Lộc" tinh hoặc "Khoa" tinh, là không có quan hệ. Lại nếu cung Phúc đức Hóa Ky bay vào cung Mệnh thì tư tưởng người này chủ quan mãnh liệt, tuy nhiên cũng không vì chủ quan mãnh liệt mà hại người, chỉ là đừng có nghĩ đến việc cải biến ý nghĩ của người đó, phụ nữ nếu lấy chính trị mà nói sẽ đặc biệt mãnh liệt với phân chia đảng phái.

Tượng ý của Thiên can các cung vị trong Tử Vi Đẩu Số

Tượng ý Thiên can cung vị:

Tượng, chính là mật mã ký hiệu tư tưởng, phàm là trong cung vị, can cung, chi cung, tinh diệu, hóa tinh, đầu quân, thất tinh, quái vị, không có chỗ nào mà không phải là "Tượng". Tượng, biết người. Tượng, chính là biểu đạt tư tưởng triết học, giấu giếm đạo lý vũ trụ vạn vật vạn sự, Thiên can là một. Trong lá số tất cả "Chữ" đều là ký hiệu, mọi người xuyên thấu qua quan sát ký hiệu sắp xếp kết cấu, có hài hòa, cân đối, có trật tự hay không, có va chạm, tương phản, giao thoa, tăng giảm hay không các loại tình huống để quan sát lẽ trình vận mệnh của mỗi người, biết người, qua suy tư ngấm nghĩa tất có thể biết người trong nháy mắt.

1, Giáp: Tượng cỏ cây chui từ dưới đất lên bắt đầu sinh. Giáp Mộc che trời, có lòng cầu tiến hướng lên phát triển, cá tính kiên cường có cốt khí. Tâm địa nhân từ chính trực, nhưng khuyết thiếu năng lực ứng biến khoan dung.

2, Ất: Tượng cỏ cây khúc khuỷu chồi ra khỏi đất. Ất Mộc yếu ớt, có dã tâm hướng chung quanh phát triển, lực thích ứng đối với hoàn cảnh mạnh, bề ngoài khiêm tốn, thiện khoan dung ứng biến.

3, Bính: Tượng cỏ cây dần dần lớn lên. Bính Hỏa mãnh liệt, có bốc đồng, nặng biểu hiện, tâm địa quang minh mà lại nhiệt tâm, cá tính nhanh nhẩu mà lao碌.

4, Đinh: Tượng cỏ cây trưởng thành khỏe mạnh, đạt đến tráng đỉnh. Đinh Hỏa nhu, dễ đồng cảm, cá tính ôn hòa tiêu cực, tư duy tinh tế tỉ mỉ, nhưng hơi đa nghi mà lại giàu tâm cơ.

5, Mậu: Tượng cỏ cây phát triển tươi tốt. Mậu Thổ nặng, giàu thành tín, cá tính trầm ổn trung hậu, trọng danh dự, cách sống cứng nhắc mà lao碌.

6, Kỷ: Tượng cỏ cây sinh trưởng dừng lại, đầy đủ. Kỷ thổ ẩm ướt, có tài nghệ và nội hàm, cá tính nội liễm, xử sự cẩn thận khôn khéo, lại giỏi biến hóa.

7, Canh: Đồng nghĩa biến đổi. Tượng cỏ cây rắn chắc sinh sôi. Canh kim tráng kiện, có tính hiệp nghĩa, cương nghị, hiếu thắng, thích danh tiếng, nhưng người hào sảng, tâm cơ và lực phá hoại.

8, Tân: Đồng nghĩa với mới, tượng cỏ cây trưởng thành tân sinh. Tân kim mềm yếu, ôn nhu thanh tú có khí chất, có lòng hư vinh, sĩ diện nhưng thiếu quyết đoán, trọng tình cảm nhưng ý chí không kiên.

9, Nhâm: Đồng nghĩa với mang thai, tượng hạt giống thai dưỡng dưới mặt đất. Nhâm thủy thông sông, nhiệt tình, văn võ song toàn, lạc quan hướng ngoại, giỏi về mưu lược nắm giữ thời cơ, tuy thông minh nhưng hơi tùy ý.

10, Quý: Đồng nghĩa với nắm giữ, tượng hạt giống nắm giữ manh nha tái sinh. Quý Thủy chí nhu, bình

tĩnh, trọng tình, hay ảo tưởng. Tuy có kiên nhẫn nhưng dễ để tâm vào chuyện vụn vặt.

Cung Mệnh can "Giáp": Có đặc tính độc lập, độc hành, độc đoán, không che chở cho người khác, cũng không nhận sự giúp đỡ của người khác.

Cung Mệnh can "Ât": Hay được nữ trợ giúp, độc lập độc hành, người vui sướng.

Cung Mệnh can "Bính": Nam Mệnh đa phần được vợ trợ giúp, hoặc mẹ trợ giúp, hoặc đồng sự bạn bè giới nữ, nữ khách hàng là quý nhân trợ giúp.

Cung Mệnh can "Đinh": Độc lập, dám làm dám chịu, có đặc tính không hối hận.

Cung Mệnh can "Mậu": Mậu Thổ ở giữa, tương đối lao lực mà che chở người khác, ít nhận được sự che chở của người khác, là người ôn trọng thâm trầm.

Cung Mệnh can "Kỷ": Cũng hay che chở người khác, mình kiếm tiền lại dễ bị người khác tổn hại, vì Vũ Khúc hóa Lộc chủ Tài, mà Văn Khúc hóa Kỵ, cho nên tiền tài tương đối dễ bị lừa.

Cung Mệnh can "Canh": Bản thân độc lập, có thể che chở người khác mà không được người khác che chở, vì Thái Dương hóa Lộc, Thái Dương là bác ái tinh, ánh mặt trời chiếu sáng người khác, mà Thiên Đồng hóa Kỵ, Thiên Đồng là phúc tinh, Hóa Kỵ thì mất phúc.

Cung Mệnh can "Tân": Nhân nhân địa, sĩ diện trọng cảm tình, vì Văn Xương hóa Ky, cho nên hay nghi ngờ quyết đoán không đủ.

Cung Mệnh can "Nhâm": Độc lập, dựa vào trời dựa vào mình mà tự lập, tương đối tự phụ, lại vì dựa vào Thiên chi khí, cho nên hay chiếm tiện nghi của người khác.

Cung Mệnh can "Quý": Mang phá hao, chính là cần phải biến động, tức Thiên Địa Nhân không dựa vào chi vị, đa phần làm việc tự do lại thặng trầm.

Giáp Ất Bính thuộc Thiên, Đinh Mậu Kỷ thuộc Địa, Canh Tân Nhâm thuộc Nhân, Quý là Thiên Địa Nhân không dựa vào chi vị.

Giáp thuộc Thiên, Ất thuộc Địa, Bính thuộc Nhân, cho nên Giáp là thiên thiên, Ất là thiên địa, Bính là thiên nhân.

Đinh thuộc Thiên, Mậu thuộc Địa, Kỷ thuộc Nhân, cho nên Đinh là địa thiên, Mậu là địa địa, Kỷ là địa nhân.

Canh thuộc Thiên, Tân thuộc Địa, Nhâm thuộc Nhân, cho nên Canh là nhân thiên, Tân là nhân địa, Nhâm là nhân nhân.

Quý không thuộc về Thiên Địa Nhân, chính là ngoài vòng giáo hoá chi vị, cho nên mang theo phá hao, tất không thập toàn.

Thiên nhiều độc lập, Địa nhiều che chở người, Nhân nhiều dựa vào trời dựa vào mình. Một lá số tam hợp tất có Thiên Địa Nhân, cho nên tất chứa tượng tự phục vụ, người trợ giúp, giúp người. Đây là đạo lý nhân mạng cân bằng tự nhiên. Cho nên Mệnh cung có can cung là Giáp Đinh Canh thuộc Thiên thành vĩ nhân khá nhiều. Người can Quý cũng có khả năng thành vĩ nhân, nhưng nếu thành công tất phá hao.

Từ tượng ý kể trên để xem là có thể mơ hồ suy ra tính cách đại thể một người, thí dụ như người có can cung Mệnh tọa Bính thì sẽ hay được phụ nữ trợ giúp. Can cung Tài bạch tọa Nhâm là kiếm tiền phải xem ý trời, xem thiên ý, xem tự lập phấn đấu. Can cung Quan lộc tọa Mậu chủ sự nghiệp che chở người khác, cho nên công việc tương đối lao碌. Can cung Mệnh tọa Nhâm vì Thiên Lương hóa Lộc cho nên mang ngạo khí lại tự cho mình tương đối cao, cũng khá bá đạo.

Tử Vi Đẩu Số mà chỉ học được xem can cung, cung vị, xem số, không cần xem Tứ hóa, còn kém chút là có thể luận Mệnh, mà so với xem chòm sao đã mạnh hơn gấp mấy chục lần. Đương nhiên nếu lại lấy Tứ hóa phi tinh bố cục, theo Thiên Địa Nhân trùng điệp lấy tượng lý lẽ thì xem khí, xét tượng, đoán một người cách cục, độ chuẩn xác tất nhiên đề cao. Đồng đạo hứng thú với Tử Vi Đẩu Số, không ngại tiến hành nghiệm chứng.

Tử Vi Đẩu Số Mệnh Bàn xem tính pháp

Tính, chỉ là xu hướng tính dục, cá tính, bản tính. Xem tính lấy chính người đó, Phụ Mẫu, Huynh đệ, Phu thê, Tử tức, Nô bộc sáu cung vị (tức lấy cung lục thân lập tiêu chí, lập Thái Cực) để luận thuật.

1, "Lộc" tinh năm sinh, tọa Mệnh, biểu thị người này có nhân duyên, hay nói, mà thường nói về cái tốt, đẹp, có lợi ích, có thể kiếm tiền. Lấy một phương diện khác nói, muốn lấy được những vật này, liền cần dựa vào nỗ lực của chính mình mới có thể có được.

2, "Quyền" tinh năm sinh, tọa Mệnh, biểu thị người này thích thể hiện, thích danh tiếng, thích tranh luận, cưỡng từ đoạt lý. Nếu Cự Môn tinh sở hóa, thì chủ thích khoác lác, hay máng người.

3, "Khoa" tinh năm sinh, tọa Mệnh, biểu thị người này ôn hòa, hữu lễ, nhã nhặn, phong độ tốt, hay nói. Mà thường nói về nghệ văn hoặc nghiên cứu học thức.

4, "Kị" tinh năm sinh, tọa Mệnh, biểu thị người này tương đối chất phác, không quá thích nói chuyện, không quen biểu đạt ý của bản thân.

5, "Lộc, Quyền" song tinh năm sinh, tọa Mệnh, thích thể hiện, hư vinh, hay nói, tượng thông minh.

6, "Lộc, Khoa" song tinh năm sinh, tọa Mệnh, người này tất nhiên thuộc hạng người "Su", uyên bác, trên

thông thiên văn dưới tường địa lý, văn tài vũ lược đều có thể chậm rãi mà nói.

7, "Lộc, Ky" song tinh năm sinh, tọa Mệnh, người này cá tính không tốt, âm tình bất định, không dễ ở chung.

8, "Quyền, Khoa" song tinh năm sinh, tọa Mệnh, người này ở phương diện kỹ thuật nào đó cũng thuộc hạng "Su". Thích cao đàm khoác lác và tranh luận, có tính muốn lấy lý phục nhân.

9, "Quyền, Ky" song tinh năm sinh, tọa Mệnh, người này không chịu thua, thích tranh luận, dễ trở mặt thành thù.

10, "Khoa, Ky" song tinh năm sinh, tọa Mệnh, người này không rõ ràng, nói chuyện cùng phải xem người đó có cao hứng hay không, làm việc lè mà lè mè.

Song tinh đồng cung trong đó có một Ky tinh biểu thị phạm tự mình làm việc sẽ bỗng nhiên sinh biến khác thường, bất luận tại lục thân gì thì lục thân đó đều có "Tính" tượng ở trên. Nếu như lục thân cung không hóa tinh thì lấy đối cung tọa tinh hóa tượng để quan sát sẽ biết khuynh hướng tính tình của người đó.

Tử Vi Đẩu Số thủ cơ dụng sự tâm pháp

Thủ cơ, chính là động đến. Động đến, tức là người hỏi Mệnh và người xem cơ duyên tiếp xúc. Dùng cái cơ duyên giấu giếm huyền cơ này biểu hiện "Tượng" để phán đoán luận sự, cái này gọi là "động đến" tâm pháp, "động đến" tâm pháp chính là Tử Vi Đẩu Số quẻ hào.

Mỗi người tùy thời ngẫu nhiên đều đang biến hóa, biến hóa tức là "Mệnh". Chính là vì con người tồn tại giữa thiên địa, cho nên tất bị "Tinh diệu", bị "Canh giờ" biến hóa ảnh hưởng, ảnh hưởng chính là "Tính" cải biến. Người đương nhiên sẽ ở biến hóa và ảnh hưởng này ẩn giấu vô tận huyền cơ, do đó nếu như người đến hỏi Mệnh không biết xác thực giờ sinh, chỉ cần lấy thời điểm hỏi việc cung Nô bộc lạc cung địa chi thủ cơ, làm giờ sinh để an lá số là có thể luận Mệnh.

Thủ cơ sở hóa xuất Lộc, Kỵ nếu bay vào hai cung Tử tức và Huynh đệ, là biết vấn đề có liên quan đến Đào Hoa. Khi rơi này hai âm cung hai, bốn, phần lớn có Đào Hoa tranh chấp mà khả năng quan hệ đến tình cảm vợ chồng bất hòa.

Thủ cơ sở hóa xuất Lộc, Kỵ nếu như bay vào hai cung Tử tức và Phụ Mẫu, cũng biết vấn đề thuộc Đào Hoa, lại kiêm chứa Đào Hoa sức khỏe không tốt và thân thể Đào Hoa có quan hệ. Như bán thân, hoặc bị cưỡng hiếp, dẫn dụ thất thân.

Thủ cơ sở hóa xuất Lộc, Kỵ nếu bay vào hai cung Tử tức và Tật ách Đào Hoa chính là chủ sức khỏe có vấn

đề, mà lại vì tượng Tài Đào Hoa, chính là âm số và Đào Hoa khỏe mạnh có quan hệ, mà cũng có thể vì Đào Hoa dẫn phát tài vụ tranh chấp.

Thủ cơ sở hóa xuất Lộc, Kỵ nếu bay vào hai cung Nô bộc và Điền trạch, giống như rơi vào hai cung Tử tức và Huynh đệ, chính là có vấn đề tranh chấp về tình cảm.

Thủ cơ sở hóa xuất Lộc, Kỵ nếu bay vào hai cung Nô bộc và Tật ách, mà chuyển hóa nhập hai cung bản Mệnh hoặc nhập Quan lộc, đây là chủ có quan hệ với an nguy sinh mệnh mà không cần luận Đào Hoa, lúc này cần đặc biệt chú ý an toàn tính mệnh.

Thủ cơ sở hóa xuất Lộc, Kỵ nếu bay vào cung Tật ách và cung Nô bộc, vì cung Nô bộc là "Nhất khí tử vị", cho nên nếu hóa nhập hai cung vị này, phần lớn có quan hệ đến sức khỏe hoặc sinh mệnh.

Thủ cơ sở hóa xuất Lộc, Kỵ nếu bay vào tuyến Huynh Nô, phần lớn là tình cảm vợ chồng không hòa thuận. Vì tuyến Huynh Nô là tượng chúng sinh, cung Huynh đệ là giường ngủ, cung Nô bộc là cung Phụ thể của cung Tật ách, cũng là chính người đó Đào Hoa vị (Tài bạch của cung Tử tức).

Cung Tử tức, cung Điền trạch mặc kệ tự hóa gì, chỉ cần nhập này hai cung này tất chủ tính dục mãnh liệt, cũng không nhất định chủ Đào Hoa nhiều.

Cung Tử tức, cung Điền trạch Tứ hóa nhập cung Thiên di hoặc cung Mệnh thì có lẽ là vấn đề Đào Hoa, cũng

cực có duyên với người khác phái, nhưng không nhất định tính dục mạnh liệt và cũng sẽ không làm loạn.

Hai cung Tử tức và Điền trạch có quan hệ đến tính dục, cho nên có quan hệ thân thể hoặc có quan hệ thân thể Đào Hoa, như kiểu má mì chuyên dẫn nam nữ bán dâm.

Tử Vi Đẩu Số Lá số ví dụ 1

Thiên mã Tả phù	Đồng Âm Khôi	Vũ Khúc Tham Lang	Cự Đà La Nhật Lộc Quyền
Quý Mệnh	Giáp	Ất	Bính
Nhâm	Nam Mệnh Thất tinh: Tử tức		Lộc tồn Hữu bật
Phá Quân Liêm Trinh			Đinh Quan
Tân			Thiên Cơ Thiên Việt Kình Dương Thiên Hình Mâu
Văn Khúc Khoa Diêu	Hỏa tinh Địa Không	Văn Xương Kỵ	Tử Vi Thất Sát
Canh	Tân Tài	Canh	Kỷ

Mệnh cách diễn đoán:

1, Lộc, Quyền năm sinh tọa cung Điền trạch, Khoa năm sinh tọa cung Tử tức, ba cát tinh đều rơi âm cung, thuộc phúc cách. Tiên thiên tất có tổ nghiệp, thuở nhỏ gia cảnh giàu có. Sinh Khoa tọa cung Tử tức, ở bên